

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2021

Số: 446 / P.V.D. - TCKT

V/v CBTT NQ ĐHĐCD thường niên 2021

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Công ty: Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí (PV Drilling)
- Trụ sở chính: Lầu 4, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
- Điện thoại: (028) 3914 2012
- Fax: (028) 3914 2021
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Đỗ Danh Rạng** – Phó TGD
- Loại thông tin công bố: 24h
- Nội dung thông tin công bố:

PV Drilling kính gửi đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước (UBCKNN) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (SGDCK TP. HCM) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (NQ ĐHĐCD 2021), Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (BBH) và Biên bản kiểm phiếu biểu quyết. Ngoài ra, NQ ĐHĐCD 2021, BBH và Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cũng đã được đăng tải trên website của Tổng Công ty theo đường link:

<http://www.pvdrilling.com.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu VT, Ban TCKT

Đính kèm:

- NQ ĐHĐCD số 02/2021/NQ-ĐHĐCD
- Biên bản họp ĐHĐCD số 01/2021/BBH-ĐHĐCD
- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**ĐỖ DANH RẠNG**



Số: 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
của Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling);

Căn cứ Quy chế Hướng dẫn về Hội nghị trực tuyến và Bỏ phiếu điện tử để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của PV Drilling được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/7/2021;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling ngày 04/8/2021;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling được Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua vào lúc 12 giờ 20 phút ngày 04/8/2021; theo đó PV Drilling đã tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 qua hình thức Hội nghị trực tuyến và Bỏ phiếu điện tử với tổng số 134 cổ đông (trực tiếp và thông qua người đại diện theo ủy quyền) tham dự Đại hội trực tuyến, đại diện sở hữu cho 224.153.174 cổ phần, chiếm tỷ lệ 57,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của PV Drilling,

Đại hội đồng cổ đông PV Drilling đã nhất trí quyết nghị thông qua Nghị quyết với các nội dung chính như sau:

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.*

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của PV Drilling.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Doanh thu: 5.229 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 204 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 186 tỷ đồng.



**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.**

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021:

- Doanh thu: 4.400 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ: 25 tỷ đồng.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 97,96%.**

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.**

**Điều 4.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019-2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021, cụ thể như sau:

1. Thông qua tiếp tục thực hiện phương án (i) chia cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu và (ii) chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu hoặc cho phép PV Drilling trả chung cổ tức năm 2019 và năm 2020 với tỷ lệ 20% bằng cổ phiếu và ủy quyền cho HĐQT PV Drilling triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ PV Drilling và quyết định các vấn đề sau:
  - a. Lựa chọn thời điểm thích hợp để phát hành cổ phần trả cổ tức năm 2019 và 2020 trong năm 2021.
  - b. Tăng vốn điều lệ PV Drilling với giá trị tăng thêm bằng tổng mệnh giá của số cổ phần phát hành thành công ghi nhận trong Báo cáo phát hành cổ phiếu đã trình cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi đợt phát hành hoàn tất.
  - c. Điều chỉnh tăng vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh sau khi phát hành thêm cổ phần. Thời gian thực hiện điều chỉnh không trễ hơn ngày 31/12/2021.
  - d. Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của PV Drilling theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm.
  - e. Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh số lượng cổ phần phát hành thêm.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.**

2. Thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ với phương án chi tiết sẽ được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.**

**Điều 5.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.**

**Điều 6.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát PV Drilling.

1. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ PV Drilling như Phụ lục 1 đính kèm.



**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.**

2. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của PV Drilling như Phụ lục 2 đính kèm.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.**

3. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PV Drilling như Phụ lục 3 đính kèm.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.**

4. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát PV Drilling như Phụ lục 4 đính kèm.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.**

**Điều 7.** Thông qua bầu Hội đồng quản trị của PV Drilling nhiệm kỳ 2021-2025 gồm 07 thành viên như sau:

1. Ông Mai Thế Toàn

**Tổng số phiếu bầu là: 222.155.558 phiếu, tương đương với: 93,49%**

2. Ông Đỗ Đức Chiến

**Tổng số phiếu bầu là: 220.186.849 phiếu, tương đương với: 92,66%**

3. Ông Nguyễn Xuân Cường

**Tổng số phiếu bầu là: 224.705.932 phiếu, tương đương với: 94,56%**

4. Ông Vũ Thụy Tường

**Tổng số phiếu bầu là: 219.943.014 phiếu, tương đương với: 92,56%**

5. Ông Nguyễn Văn Toàn

**Tổng số phiếu bầu là: 220.308.735 phiếu, tương đương với: 92,71%**

6. Ông Văn Đức Tòng

**Tổng số phiếu bầu là: 220.235.765 phiếu, tương đương với: 92,68%**

7. Ông Hoàng Xuân Quốc

**Tổng số phiếu bầu là: 220.012.792 phiếu, tương đương với: 92,59%**

**Điều 8.** Thông qua bầu Ban kiểm soát của PV Drilling nhiệm kỳ 2021-2023 gồm 03 thành viên như sau:

1. Ông Lương Thanh Tịnh

**Tổng số phiếu bầu là: 221.460.075 phiếu, tương đương với: 93,18%**

2. Ông Nguyễn Văn Tài

**Tổng số phiếu bầu là: 220.284.129 phiếu, tương đương với: 92,69%**

3. Ông Nguyễn Bình Hợp

**Tổng số phiếu bầu là: 221.728.120 phiếu, tương đương với: 93,30%**



**Điều 9.** Thông qua Phương án thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021, cụ thể như sau:

1. Thù lao, phụ cấp năm 2021 của Hội đồng quản trị:
  - a. Đối với các thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành, chuyên trách tại PV Drilling hoặc được giao các chức vụ quản lý khác của PV Drilling: thù lao (bao gồm tiền lương, thưởng, phụ cấp v.v.) trả theo chế độ hiện hành của PV Drilling.
  - b. Đối với các thành viên độc lập HĐQT và thành viên HĐQT không thuộc điểm a.: mức phụ cấp trách nhiệm/thù lao là 10.000.000 Đồng/người/tháng.
  - c. Mức phụ cấp bổ sung cho các thành viên HĐQT khi thực hiện các công việc nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên HĐQT: không quá 1.500.000 Đồng/ngày.
2. Thù lao năm 2021 của Ban kiểm soát:
  - a. Đối với Kiểm soát viên chuyên trách tại PV Drilling: thù lao (bao gồm tiền lương) trả theo chế độ hiện hành của PV Drilling.
  - b. Đối với Kiểm soát viên không thuộc trường hợp tại điểm a.: 7.000.000 Đồng/người/tháng.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,98%.**

**Điều 10.** Thông qua danh sách các công ty kiểm toán có thể thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét báo cáo tài chính bán niên cho PV Drilling trong năm 2021 như bên dưới và ủy quyền cho HĐQT PV Drilling thực hiện đánh giá, lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập này để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét báo cáo tài chính bán niên cho PV Drilling năm 2021.

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
2. Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam.
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 96,46%.**

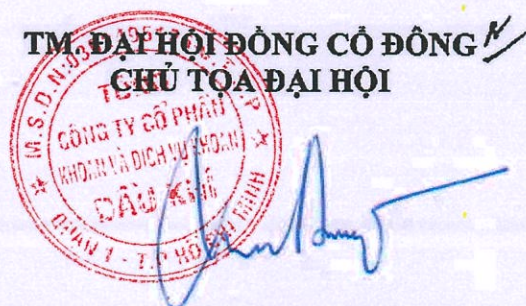
**Điều 11.** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông PV Drilling thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Thành viên HĐQT PV Drilling;
- Ban TGĐ PV Drilling;
- Ban kiểm soát PV Drilling;
- Cổ đông PV Drilling;
- Lưu: Tô TK HĐQT (03b).



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Phạm Tiến Dũng**





## PHỤ LỤC 01

# NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ PV DRILLING

*(Đính kèm Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/8/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí)*



**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ PV DRILLING**

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
1.			Xuyên suốt Điều lệ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay cụm từ “Luật doanh nghiệp” bằng cụm từ “Luật Doanh nghiệp”;</li> <li>- Thay cụm từ “Luật chứng khoán” bằng cụm từ “Luật Chứng khoán”.</li> </ul>	Thống nhất cách viết hoa theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.
2.	Điểm f Khoản 1 Điều 1	“Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng Mười Một năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng Bảy năm 2015. “Luật chứng khoán” có nghĩa là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng Sáu năm 2006 có hiệu lực từ ngày 01 tháng Giêng năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng Mười Một năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01 tháng Bảy năm 2011.	“Luật dDoanh nghiệp” có nghĩa là Luật dDoanh nghiệp số 68/2014/QH13 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng Mười Một năm 2014 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng Bảy năm 2015 01/01/2021. “Luật eChứng khoán” có nghĩa là Luật eChứng khoán số 70/2006/QH11 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng Sáu năm 2006 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng Giêng năm 2007 01/01/2021 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng Mười Một năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01 tháng Bảy năm 2011.	Cập nhật Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.
3.	Điểm i Khoản 1	“Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản	“Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật bBan hành văn bản quy	Cập nhật Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Điều 1	quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 03/12/2004.	<del>phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03/6/2008</del> 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2015 và Luật số 63/2020/QH14 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2020 và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 03/12/2004.	luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
4.	Điều k Khoản 1 Điều 1	“Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.	“Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 17 Điều 4 Luật dDoanh nghiệp, Khoản 34 46 Điều 6 4 Luật eChứng khoán.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.
5.	Điều f Khoản 9 Điều 2	Các quyền và trách nhiệm khác được quy định tại Điều 190 Luật doanh nghiệp.	Các quyền và trách nhiệm khác được quy định tại Điều 190 196 Luật dDoanh nghiệp.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
6.	Khoản 1 Điều 4	Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, theo quy định Pháp luật và tiến hành tất cả các biện pháp khác có ích hoặc thích hợp để đạt được mục tiêu của Tổng công ty.	Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, theo quy định Pháp luật và tiến hành tất cả các biện pháp khác có ích hoặc thích hợp để đạt được mục tiêu của Tổng công ty.	Theo Khoản 8 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
7.	Khoản 8 Điều 5	Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành bằng bất kỳ cách nào theo quy định Luật doanh nghiệp và Điểm 1 Khoản 2 Điều 14 và Điểm m Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này không cấm. Cổ phần được Tổng công ty mua lại đều được giữ lại làm cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.	<del>Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành bằng bất kỳ cách nào theo quy định Luật doanh nghiệp và Điểm 1 Khoản 2 Điều 14 và Điểm m Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này không cấm. Cổ phần được Tổng công ty mua lại đều được giữ lại làm cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</del> Tổng công ty có thể mua lại cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành bằng bất kỳ cách nào theo quy định Luật doanh nghiệp và Điểm 1 Khoản 2 Điều 14 và Điểm m Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này không cấm. Cổ phần được Tổng công ty mua lại đều được giữ lại làm cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.	Theo Điều 36, Điều 37 Luật Chứng khoán 2019.
8.	Khoản 11 Điều 5	Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty (đối với các Cổ phần chưa lưu ký) hoặc được lưu giữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với các Cổ phần đã được lưu ký). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty hoặc của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo trình tự, thủ tục do pháp luật về chứng khoán quy định. Việc cung cấp thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông, trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký	Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty (đối với các Cổ phần chưa lưu ký) hoặc được lưu giữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với các Cổ phần đã được lưu ký). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, hoặc trích lục, sao chép nội dung tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty hoặc của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo trình tự, thủ tục do pháp luật về chứng khoán quy định. Việc cung cấp thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông, trình tự, thủ tục yêu cầu cung	Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định bổ sung quy định Cổ đông chỉ có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		cổ đông thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Khi Cổ đông cần kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông, Cổ đông gửi văn bản yêu cầu hợp lệ đến Tổng công ty. Căn cứ yêu cầu hợp lệ của Cổ đông, Tổng công ty sẽ hướng dẫn cho Cổ đông thực hiện việc kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông theo trình tự, thủ tục do Tổng công ty quy định.	cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Khi Cổ đông cần kiểm tra, tra cứu, hoặc trích lục, sao chép nội-dung tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông, Cổ đông gửi văn bản yêu cầu hợp lệ đến Tổng công ty. Căn cứ yêu cầu hợp lệ của Cổ đông, Tổng công ty sẽ hướng dẫn cho Cổ đông thực hiện việc kiểm tra, tra cứu, hoặc trích lục, sao chép nội-dung tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo trình tự, thủ tục do Tổng công ty quy định.	
9.	Khoản 2 Điều 6	Cổ phiếu của Tổng công ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp. Riêng đối với cổ phiếu của các loại cổ phần ưu đãi (nếu có) của Tổng công ty còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 Luật doanh nghiệp.	Cổ phiếu của Tổng công ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều <del>120</del> 121 Luật <del>Doanh nghiệp</del> . Riêng đối với cổ phiếu của các loại cổ phần ưu đãi (nếu có) của Tổng công ty còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 Luật <del>Doanh nghiệp</del> .	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
10.	Khoản 3 Điều 6	Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một hoặc một số chứng chỉ cổ phiếu nhất định, trừ trường hợp quy định tại Khoản 10 Điều 6 Điều lệ này.	Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một hoặc một số chứng chỉ cổ phiếu nhất định, trừ trường hợp quy định tại Khoản <del>10</del> 9 Điều 6 Điều lệ này.	Sửa lỗi đánh máy.
11.	Điểm a Khoản 7 Điều 6	Cổ phiếu thực sự đã bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, bị cháy hay bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại	Cổ phiếu thực sự đã bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, bị cháy hay bị tiêu hủy dưới hình thức khác; <del>trường hợp bị mất thì phải cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại</del>	Theo Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		được sẽ đem trả Tổng công ty tiêu hủy;	<del>được sẽ đem trả Tổng công ty tiêu hủy;</del>	
12.	Điểm c Khoản 7 Điều 6	Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười (10) triệu Đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tổng công ty cấp cổ phiếu mới.	<del>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười (10) triệu Đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tổng công ty cấp cổ phiếu mới. (bỏ điểm c)</del>	Theo Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020.
13.	Khoản 3 Điều 8	Trong trường hợp một Cổ đông là cá nhân bị chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó là Cổ đông của Tổng công ty, nhưng quy định này không có nghĩa giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi bất kỳ trách nhiệm nào gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó sở hữu. Trường hợp Cổ đông là cá nhân bị chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của Cổ đông đó sẽ được giải quyết theo quy định của Pháp luật.	Trong trường hợp một Cổ đông là cá nhân bị chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó là <i>trở thành</i> Cổ đông của Tổng công ty, nhưng quy định này không có nghĩa giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi bất kỳ trách nhiệm nào gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó sở hữu. Trường hợp Cổ đông là cá nhân bị chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của Cổ đông đó sẽ được giải quyết theo quy định của Pháp luật.	Quy định cho rõ nghĩa. Theo Khoản 3 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
14.	Điểm d Khoản 2 Điều 11	Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	Được ưu tiên mua cổ phần mới <del>được chào bán</del> tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	Theo Điểm c Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
15.	Điểm e Khoản 2 Điều 11	Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông đó trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;	Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <del>về tên và địa chỉ liên lạc liên quan đến Cổ đông đó</del> trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác <del>về bản thân</del> ; Tiếp cận thông tin về <del>tên và địa chỉ liên lạc</del> trong danh sách <del>cổ</del> Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;	Theo Điểm d Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
16.	Điểm h Khoản 2 Điều 11	Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 1 Điều 129 Luật doanh nghiệp; và	Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 1 Điều <del>129 / 32</del> Luật <del>d</del> Doanh nghiệp; và	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
17.	Khoản 4 Điều 11	Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có thêm các quyền sau:	Cổ đông <del>hoặc nhóm Cổ đông</del> sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ <del>10%</del> tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có thêm các quyền sau:	Theo Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
18.	Điểm a Khoản 4 Điều 11	Đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ này và đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;	<del>Đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ này và đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này; (bỏ điểm a);</del>	Theo Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
19.	Điểm d Khoản 4 Điều 11	Xem và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của Hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;	Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của Hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;	Theo Điểm a Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
20.	Điểm e Khoản 4 Điều 11	Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh/ đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và	Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh/ đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với Cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và	Thay đổi thuật ngữ theo Khoản 16, 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
21.	Điểm b Khoản 5 Điều 11	Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (6) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.	<del>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (6) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế. (bỏ điểm b)</del>	Theo Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
22.	Điểm c Khoản 5 Điều 11	Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản ghi rõ họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh/ đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản ghi rõ họ, tên, địa chỉ thường trú <del>liên lạc, quốc tịch</del> , số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác <del>giấy tờ pháp lý của cá nhân</del> đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh/ <del>đăng ký doanh nghiệp</del> hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	Theo Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
23.	Đoạn đầu tiên	Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 11	<del>Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử</del>	Theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Khoản 6 Điều 11	này được thực hiện như sau:	<p>người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 và Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.</p> <p>Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại <del>Điểm a-Khoản 4 6 Điều 11</del> này được thực hiện như sau:</p>	2020.
24.	Điểm b Khoản 6 Điều 11	Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.	Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 <del>Điều 11</del> 5 này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.	Điều chỉnh tham chiếu tương ứng với sửa đổi tại Khoản 4 và Khoản 6 Điều 11 Điều lệ.
25.	Điểm a Khoản 1 Điều 12	Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế của Tổng công ty; chấp hành các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc tham dự và biểu quyết thông qua	Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế của Tổng công ty; chấp hành các <i>nghị quyết</i> , quyết định của Hội đồng quản trị, và <del>các nghị quyết</del> của Đại hội đồng cổ đông; tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc tham dự và biểu quyết	Theo Khoản 4 Điều 13 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		hợp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	thông qua hợp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	
26.	Điểm e, f Khoản 1 Điều 12	<p>e. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ;</p> <p>f. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi phạm quy định của Pháp luật;</li> <li>- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân hoặc tổ chức khác;</li> </ul> <p>Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.</p>	<p>e. <i>Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác và/hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác.</i></p> <p>ef. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật eDoanh nghiệp và Điều lệ;</p> <p>f- g. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi phạm quy định của Pháp luật;</li> <li>- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân hoặc tổ chức khác;</li> <li>- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.</li> </ul>	Theo Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
27.	Khoản 2 Điều 13	<p>Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (1) lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông họp thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quyết định. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (6) tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể mời các kiểm toán viên độc lập tham dự họp để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hằng năm.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (1) lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông <i>được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp</i> và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p><i>Cuộc họp thường niên của</i> Đại hội đồng cổ đông họp thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quyết định. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của <del>Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh</del> <i>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết</i>, nhưng không quá sáu (6) tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể mời các kiểm toán viên độc lập tham dự họp để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hằng năm.</p> <p><i>Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức</i></p>	<p>Theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Theo Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<i>kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.</i>	
28.	Điểm c Khoản 3 Điều 13	Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định; hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ;	Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà Pháp luật quy định; hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ;	Theo Điểm b Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.
29.	Điểm e Khoản 3 Điều 13	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
30.	Điểm a Khoản 4 Điều 13	Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 này, xảy ra trường hợp quy định tại	Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 này, xảy ra trường hợp quy định tại	Theo Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Điểm b Khoản 3 Điều 13 này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Điểm d hoặc Điểm e Khoản 3 Điều 13 này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty.	Điểm b Khoản 3 Điều 13 này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Điểm d hoặc Điểm e Khoản 3 Điều 13 này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị <del>phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và</del> phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty.	
31.	Điểm b Khoản 4 Điều 13	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty.	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường Ban kiểm soát <del>phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và</del> phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng công ty.	Theo Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.
32.	Điểm c Khoản 4 Điều 13	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp nêu trên, trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo. Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật doanh	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp nêu trên, trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 này có quyền <i>đại diện Tổng công ty</i> thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 4 Điều	Theo Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		nghiệp. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	<del>136 /40</del> Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
33.	Điểm c Khoản 2 Điều 14	Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;	Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên;</i>	Theo Điểm g Khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
34.	Điểm d Khoản 2 Điều 14	Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; Quyết định các mức phụ cấp, chi phí và các lợi ích khác của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 22 Điều lệ;	Quyết định <i>ngân sách hoặc</i> tổng số tiền thù lao, <i>thưởng và lợi ích khác</i> của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; Quyết định các mức phụ cấp, chi phí và các lợi ích khác của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 22 Điều lệ;	Theo Điểm k Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
35.	Điểm f Khoản 2 Điều 14	Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ; thông qua quy chế nội bộ về quản trị công ty;	Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ; <del>thông qua phê duyệt</del> quy chế nội bộ về quản trị công ty, <i>quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i>	Theo Điểm 1 Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
36.	Điểm g Khoản 2	Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho từng loại cổ phần và	Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho từng loại cổ phần <del>và việc</del>	Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 155/2020/NĐ-

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Điều 14	việc chuyển nhượng cổ phần của các Cổ đông sáng lập trong vòng ba (3) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;	<del>chuyển nhượng cổ phần của các Cổ đông sáng lập trong vòng ba (3) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</del> <i>Bằng Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành;</i>	CP.
37.	Điểm j Khoản 2 Điều 14	Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các Cổ đông của Tổng công ty;	Xem xét và xử lý các vi phạm của <del>thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên Ban kiểm soát</del> gây thiệt hại cho Tổng công ty và các Cổ đông của Tổng công ty;	Theo Điểm h Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
38.	Điểm 1 Khoản 2 Điều 14	Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;	Quyết định mua lại <del>hơn 10% một loại cổ phần đã</del> phát hành của Tổng công ty để giảm vốn điều lệ phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;	Theo Điều 36 Luật Chứng khoán 2019.
39.	Điểm o Khoản 2 Điều 14	Lựa chọn công ty kiểm toán;	<del>Phê duyệt danh sách</del> Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; và	Theo Điểm m Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.
40.	Điểm p, q Khoản 2	p. Quyết định việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; và	<del>p. Quyết định việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; và</del>	Theo khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Điều 14	q. Các vấn đề khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	q. Các vấn đề khác theo quy định của Luật <i>doanh</i> Doanh nghiệp và Điều lệ này.	2020.
41.	Khoản 1 Điều 15	<p>Cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Cổ đông là cá nhân có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho một (1) người khác đại diện cho mình tham dự cuộc họp.</p> <p>Cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền cho cá nhân làm người đại diện theo ủy quyền nhân danh Cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và Luật doanh nghiệp. Trường hợp tại một thời điểm Cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần phổ thông mà Cổ đông đó sở hữu sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 5% tổng</p>	<p>Cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Cổ đông là cá nhân có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho một (1) người khác đại diện cho mình tham dự cuộc họp.</p> <p>Cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền cho cá nhân làm người đại diện theo ủy quyền nhân danh Cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và Luật <i>doanh nghiệp (còn gọi là "người đại diện phần vốn")</i>. Trường hợp tại một thời điểm Cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện <i>theo ủy quyền</i>. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần phổ thông mà Cổ đông đó sở hữu sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông là tổ chức</p>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>số cổ phần phổ thông của Tổng công ty chỉ được ủy quyền cho một (1) người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trở lên có quyền ủy quyền tối đa bốn (4) người đại diện theo ủy quyền và trong phạm vi tổng số cổ phần phổ thông mà Cổ đông đó sở hữu. Trường hợp Cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 4 Điều 15 Luật doanh nghiệp thì có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty chỉ được ủy quyền cho một (1) người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trở lên có quyền ủy quyền tối đa <i>ba (3)</i> người đại diện theo ủy quyền; <i>Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 25% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trở lên có quyền ủy quyền tối đa bốn (4) người đại diện theo ủy quyền</i> và trong phạm vi tổng số cổ phần phổ thông mà Cổ đông đó sở hữu. Trường hợp Cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 4 Điều <del>15</del> <i>14</i> Luật <del>đ</del>Doanh nghiệp thì có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
42.	Đoạn đầu Khoản 2 Điều 15	<p>Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được thực hiện theo Khoản 4 và Khoản 5 Điều 15 Luật doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được thực hiện theo Khoản 4 và Khoản 5 Điều <del>15</del> <i>14</i> Luật <del>đ</del>Doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Tổng công ty <i>hoặc do Cổ đông tự lập theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền</i> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
43.	Khoản 1 Điều 16	Với quyết định của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, bất kỳ khi nào vốn cổ phần của Tổng công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành đồng thời được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó tán thành.	Với quyết định của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, bất kỳ khi nào vốn cổ phần của Tổng công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi <i>bất lợi</i> hoặc hủy bỏ khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành đồng thời được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% 75% tổng số quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó tán thành.	Theo Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
44.	Điểm a Khoản 1 Điều 17	Lập danh sách các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp, và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp phù hợp với Pháp luật và các quy định của Tổng công ty; Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và	Lập danh sách các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất năm (5) ngày làm việc <i>không quá mười (10) ngày</i> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp, và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp phù hợp với Pháp luật và các quy định của Tổng công ty; Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. <i>Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có</i>	Theo Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.  Theo Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		sao chép danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.	<i>quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</i> Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.	
45.	Bổ sung Điểm e, f, g Khoản 1 Điều 17	Không có	e. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp; f. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.	Theo Điểm h Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo Điểm b, c, g Khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
46.	Khoản 2 Điều 17	Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty.	Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức <i>đề</i> bảo đảm <i>đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông</i> , đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang thông tin điện	Theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo Điểm b Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu gửi kèm cho Cổ đông (bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh) sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Trong thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>tử (website) của Tổng công ty. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất <i>hai mươi một (21)</i> ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu gửi kèm cho Cổ đông (bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh) sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, <i>danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</i> phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. <i>Văn bản chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp có thể do Cổ đông tự lập theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Tổng công ty có quyền từ chối các văn bản chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp do Cổ đông tự lập nhưng không phù hợp với quy</i></p>	

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<i>định của Pháp luật về dân sự và Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền chi được tham dự họp sau khi xuất trình lại văn bản chỉ định đại diện theo ủy quyền hợp lệ. Quyết định của Tổng công ty là quyết định cuối cùng. Trong thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử và cách thức tải tài liệu để các Cổ đông có thể tiếp cận.</i>	
47.	Khoản 3 Điều 17	Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên và địa chỉ thường trú của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và các yêu cầu khác đối với người dự họp.	Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên và địa chỉ thường trú <i>liên lạc</i> của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và các yêu cầu khác đối với người dự họp.	Theo Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020.
48.	Khoản 4 Điều 17	Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh	Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ <del>căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác giấy tờ pháp lý của cá nhân</del> đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số	Thay đổi thuật ngữ theo Khoản 16, 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo Khoản 6 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		ngành hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	<p><del>quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với Cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</del></p> <p><i>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 17 này, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 17 này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</i></p>	
49.	Điểm a Khoản 5 Điều 17	Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;	<del>Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 17 này;</del>	Theo Điểm a Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020.
50.	Bổ sung đoạn cuối Khoản 5 Điều 17		<i>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 17 này thì chậm nhất là hai (2) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i>	Theo Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020.
51.	Điểm a Khoản 1 Điều 18	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành	<del>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng</del>	Theo Điểm a Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (1) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì đại diện thành viên Hội đồng quản trị có mặt điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>mất hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (1) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì đại diện thành viên Hội đồng quản trị có mặt <i>Trưởng Ban kiểm soát</i> điều khiển <i>hành</i> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; <i>trường hợp vẫn không bầu được người làm chủ tọa hoặc Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Cổ đông (hoặc người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông) nắm giữ số cổ phần nhiều nhất trong số các Cổ đông có mặt điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i></p>	
52.	Điểm b Khoản 1 Điều 18	<p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển <i>hành</i> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Cập nhật thuật ngữ theo Điểm b Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
53.	Khoản 3 Điều 18	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết. Nếu không có đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp theo quy định nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết. Khi cuộc họp lần thứ hai không có đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp theo quy định nêu trên, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai và cuộc họp triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông tham dự họp và tỷ lệ số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể thông qua một cách hợp lệ.	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <del>51%</del> <i>trên 50%</i> tổng số phiếu biểu quyết. Nếu không có đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp theo quy định nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải <del>gửi thông báo mời họp lần thứ hai triệu tập lại</del> <i>gửi thông báo mời họp lần thứ hai triệu tập lại</i> trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần <del>thứ</del> <i>thứ</i> hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <del>từ</del> <i>trở lên</i> 33% tổng số phiếu biểu quyết <del>trở lên</del> . Khi cuộc họp lần thứ hai không có đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp theo quy định nêu trên, <del>thông báo</del> <i>thông báo</i> mời cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba <del>có thể phải</del> <i>phải</i> được triệu tập <del>gửi</del> <i>gửi</i> trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định <del>tiến hành cuộc</del> <i>tiến hành cuộc</i> họp lần <del>thứ</del> <i>thứ</i> hai và cuộc họp triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông tham dự họp và <del>tỷ lệ tổng</del> <i>tỷ lệ tổng</i> số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể thông qua một cách hợp lệ.	Theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.
54.	2 đoạn	Thời hạn tạm hoãn không quá ba (3) ngày, kể	Thời hạn tạm hoãn không quá ba (3) ngày <del>làm</del>	Theo Khoản 8 Điều 146

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
	cuối Khoản 8 Điều 18	từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một (1) người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.	<i>việc</i> , kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một (1) người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.	Luật Doanh nghiệp 2020.
55.	Điểm b Khoản 13 Điều 18	Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	Ủy quyền cho <del>một người cá nhân, tổ chức khác</del> tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	Theo Điểm b Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.
56.	Khoản 1 Điều 19	Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 19 này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có số Cổ đông đại diện ít nhất <b>51%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành.	Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 19 này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có số Cổ đông đại diện ít nhất <del>51%</del> <i>trên 50%</i> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành.	Theo Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
57.	Khoản 2 Điều 19	Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung: loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; Điểm k Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này; tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; thay đổi các quyền theo Điều 16 Điều lệ này được thông qua khi có số Cổ đông đại diện ít nhất <b>65%</b> tổng số	<del>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 19 này và Khoản 1 Điều 16, Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung:</del> loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; Điểm k Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này; tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; thay đổi các quyền theo Điều 16	Theo Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành.	Điều lệ này được thông qua khi có số Cổ đông đại diện ít nhất <b>65%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành.	
58.	Khoản 4 Điều 19	<p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.</p> <p>Trừ các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 19 này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo các thủ tục quy định dưới đây của Điều 19 này.</p> <p>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 19 này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi được số Cổ đông đại diện ít nhất <b>51%</b> tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến <i>Cổ đông</i> bằng văn bản đề thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <i>về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</i> bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.</p> <p><del>Trừ các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 19 này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo các thủ tục quy định dưới đây của Điều 19 này.</del></p> <p>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 19 này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi được số Cổ đông đại diện ít nhất <b>51%</b> <i>trên 50%</i> tổng số phiếu biểu quyết <i>của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết</i> tán thành.</p>	Theo Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
59.	Điểm a Khoản 7 Điều 19	Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty;	Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số và ngày cấp</i> Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, <i>nơi đăng ký</i> doanh nghiệp của Tổng công ty;	Theo Điểm a Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo Điểm a Khoản 3

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
				Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
60.	Điểm c Khoản 7 Điều 19	Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, số đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;	Họ, tên, địa chỉ <del>thường trú liên lạc</del> , quốc tịch, số <del>Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của</del> <i>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với</i> Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, <del>hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập</del> <i>giấy tờ pháp lý của tổ chức</i> , địa chỉ trụ sở chính của <del>đối với</del> Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ <del>thường trú liên lạc</del> , quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, <del>Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</del> <i>giấy tờ pháp lý của cá nhân của</i> <del>đối với</del> đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;	Cập nhật thuật ngữ theo Điểm c Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020.
61.	Khoản 9 Điều 19	Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không phải là Người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, <i>giám sát</i> của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không phải là Người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Theo Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua; và</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <del>mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký</del> doanh nghiệp, <del>nơi đăng ký doanh nghiệp</del>;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định <del>vấn đề</del> đã được thông qua và <del>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</del>; và</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
62.	Khoản 12 Điều 19	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền khởi kiện tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC để yêu cầu trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <i>nghị quyết hoặc</i> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền khởi kiện tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC để yêu cầu trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020.
63.	Điểm a Khoản 12 Điều 19	Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản và thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp;	Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản và <del>thông qua nghị quyết ra quyết định</del> của Đại hội đồng cổ đông <del>không thực hiện đúng theo</del> <i>vi phạm nghiêm trọng</i> quy định của Luật <del>Doanh nghiệp</del> và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều <del>148</del> <i>152</i> Luật <del>Doanh nghiệp</del> ;	Theo Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020.
64.	Khoản 1 Điều 20	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (7) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (5) năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (7) người. <del>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (5) năm.</del> Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế <i>trừ trường</i>	Khoản 2 Điều 154 và Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020. Khoản 2, Khoản 4 Điều 276 Nghị định số

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>Khi bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Tổng công ty.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.</p>	<p><i>hợp thành viên độc lập thì thực hiện theo quy định: một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (2) nhiệm kỳ liên tục. Khi bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành và có tối thiểu hai (2) thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</i></p> <p><del>Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.</del></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Tổng công ty.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 151 / 155 Luật dDoanh nghiệp.</p>	155/2020/NĐ-CP.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 154 /55 Luật Doanh nghiệp.	
65.	Khoản 2 Điều 20	Các Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng Cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị, như sau: Cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (1) ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (2) ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (3) ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (4) ứng cử viên và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa bảy (7) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị.	<del>Các Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng Cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị, như sau: Cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (1) ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (2) ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (3) ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (4) ứng cử viên và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa bảy (7) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị.</del> Các Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng Cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị, như sau: Cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (1) ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (2) ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (3) ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (4) ứng cử viên và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa bảy (7) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị.	Theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
66.	Khoản 4 Điều 20	Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 156 Luật doanh nghiệp.	Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 156 160 Luật dDoanh nghiệp.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
67.	Điểm c Khoản 2 Điều 21	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức các chức danh Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc (trừ trường hợp người được bổ nhiệm, miễn nhiệm hay cách chức là Tổng giám đốc); quyết định mức lương và lợi ích khác của các chức danh đó khi bổ nhiệm (việc thay đổi mức lương và các lợi ích khác trong quá trình công tác được thực hiện theo quy chế lương, thưởng của Tổng công ty); phê chuẩn việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác được quy định tại các Điều 37, 38 và 39 Điều lệ này; Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng với những người bị miễn nhiệm (nếu có); Việc bãi nhiệm Tổng giám đốc phải tuân theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Điều lệ này;	<i>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</i> Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức các chức danh Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc (trừ trường hợp người được bổ nhiệm, miễn nhiệm hay cách chức là Tổng giám đốc); quyết định mức lương, <i>thù lao, thưởng</i> và lợi ích khác của các chức danh đó khi bổ nhiệm (việc thay đổi mức lương, <i>thù lao, thưởng</i> và các lợi ích khác trong quá trình công tác được thực hiện theo quy chế lương, thưởng của Tổng công ty); phê chuẩn việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác được quy định tại các Điều 37, 38 và 39 Điều lệ này; Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng với những người bị miễn nhiệm (nếu có); Việc bãi nhiệm Tổng giám đốc phải tuân theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Điều lệ này;	Theo Điểm i Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC. Theo Điểm i Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
68.	Điểm d Khoản 2 Điều 21	Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của Tổng công ty, phê chuẩn điều lệ Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, phê chuẩn việc thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty (bao gồm góp vốn đầu tư trực tiếp, theo hình thức liên doanh có giá trị trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp/vốn góp các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới), chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng phần vốn góp, mua, bán cổ phần tại doanh nghiệp khác có giá trị giao dịch lớn hơn năm mươi (50) tỷ Đồng theo đề nghị của Tổng giám đốc;	Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của Tổng công ty, phê chuẩn điều lệ Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, phê chuẩn việc thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty (bao gồm góp vốn đầu tư trực tiếp, theo hình thức liên doanh có giá trị trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp/vốn góp các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới), chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng phần vốn góp, mua, bán cổ phần tại doanh nghiệp khác có giá trị giao dịch lớn hơn năm mươi (50) tỷ Đồng theo đề nghị của Tổng giám đốc <i>hoặc giao dịch mua bán nhằm phát sinh/thay đổi, chấm dứt quan hệ công ty mẹ và công ty con giữa Tổng công ty và doanh nghiệp khác;</i>	Chuyển từ Điểm d Khoản 3 Điều 21 Điều lệ.
69.	Điểm e Khoản 2 Điều 21	Đề xuất cho Đại hội đồng cổ đông thông qua các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	Đề xuất cho Đại hội đồng cổ đông thông qua các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	Theo Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<i>Quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;</i>	
70.	Điểm i Khoản 2 Điều 21	Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, Điều 162 Luật doanh nghiệp được quyết định theo Điều 30 Điều lệ này và các hợp đồng và giao dịch liên quan cần việc thực hiện quản lý ngân quỹ tập trung trong toàn Tổng công ty (bao gồm các Công ty con 100% vốn của Tổng công ty) sẽ do Tổng giám đốc quyết định;	Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, Điều 162 Luật <del>Doanh nghiệp</del> được quyết định theo Điều 30 Điều lệ này <del>và các hợp đồng và giao dịch liên quan đến việc thực hiện quản lý ngân quỹ tập trung trong toàn Tổng công ty (bao gồm các Công ty con 100% vốn của Tổng công ty) sẽ do</del> Tổng giám đốc quyết định;	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
71.	Điểm m Khoản 2	Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp;	Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <i>Khoản 1 và Khoản 2 Điều 130 133 Luật</i> <del>Doanh</del>	Theo Điểm d Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu ban

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Điều 21		ngành và Luật Chứng khoán;	hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC và Luật Chứng khoán 2019.
72.	Điểm q và r Khoản 2 Điều 21	q. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; và r. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	q. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; <i>quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty; và</i> r. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh); s. Định giá các tài sản góp vốn vào Tổng công ty không phải bằng tiền Đồng, liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu	Theo Điểm q Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.  Chuyển từ Điểm c Khoản 3 Điều 21 Điều lệ.  Chuyển từ Điểm e Khoản 3 Điều 21 Điều lệ.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<p>trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>t. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>u. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;</p> <p>v. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty; Hạn mức các hợp đồng vay cần Hội đồng quản trị phê chuẩn được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 21;</p> <p>w. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Tổng công ty;</p> <p>x. Tất cả các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm đã được phê duyệt trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; và</p> <p>y. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>Chuyển từ các Điểm g, h, i, j, k Khoản 3 Điều 21 Điều lệ.</p>
73.	2 đoạn cuối Khoản 2	Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị thông qua <i>ngợi quyết</i> , quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng	Theo Khoản 3 và Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Điều 21	<p>quyết định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (1) phiếu biểu quyết.</p> <p>Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.</p>	<p>quản trị quyết định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (1) phiếu biểu quyết.</p> <p><del>Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.</del></p>	<p>nghiệp 2020.</p>
74.	Khoản 3 Điều 21	<p>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng công ty;</p> <p>b. Thành lập các Công ty con của Tổng công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp</p>	<p><i>(xóa Khoản 3, chuyển các nội dung không trùng lặp lên Khoản 2 Điều 21)</i></p>	<p>Theo Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Theo Điều 27 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p> <p>d. Mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị giao dịch lớn hơn năm mươi (50) tỷ Đồng hoặc giao dịch mua bán nhằm phát sinh/thay đổi, chấm dứt quan hệ công ty mẹ và công ty con giữa Tổng công ty và công ty đó;</p> <p>e. Định giá các tài sản góp vốn vào Tổng công ty không phải bằng tiền Đồng, liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>f. Việc Tổng công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng;</p>		

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<ul style="list-style-type: none"> <li>g. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</li> <li>h. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;</li> <li>i. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty; Hạn mức các hợp đồng vay cần Hội đồng quản trị phê chuẩn được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 21;</li> <li>j. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Tổng công ty; và</li> <li>k. Tất cả các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm đã được phê duyệt trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul>		
75.	Đoạn thứ 2, Khoản 7 Điều 24	Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.	Thông báo mời họp được gửi bằng <i>giấy mời, điện thoại, bưu điện, fax, phương tiện thư điện tử</i> hoặc phương <i>thực</i> tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ <i>liên lạc</i> của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.	Theo Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
76.	Khoản 15 Điều 24	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ trường hợp có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải được ký bởi chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều 154 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và biên bản tiếng nước ngoài thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ trường hợp có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải được ký bởi chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều 154 / 158 Luật Doanh nghiệp.</p> <p><i>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.</i></p> <p>Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và biên bản tiếng nước ngoài thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	Theo Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
77.	Khoản 2 Điều 27	Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (5) năm. Tổng giám đốc có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được là những người bị Pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.	Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (5) năm. Tổng giám đốc có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc <i>phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</i> và không được là <del>những người bị Pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</del>	Theo Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.
78.	Khoản 1 Điều 28	Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất (1) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (5) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.	Hội đồng quản trị <del>chỉ định bổ nhiệm</del> ít nhất (1) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (5) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.	Theo Khoản 1 Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
79.	Khoản 2 Điều 28	Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:	Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:	Theo Khoản 3 Điều 281 Nghị định số

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, việc lấy ý kiến Cổ đông để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và Cổ đông;</li> <li>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>d. Tham dự các cuộc họp;</li> <li>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;</li> <li>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</li> <li>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;</li> <li>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, việc lấy ý kiến Cổ đông để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và Cổ đông;</li> <li>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>d. Tham dự các cuộc họp;</li> <li>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;</li> <li>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</li> <li>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;</li> <li>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này;</li> <li>i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</li> </ul>	155/2020/NĐ-CP.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.	j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.	
80.	Khoản 3 Điều 30	<p>Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức, pháp nhân có liên quan đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Người quản lý khác <i>không phải là Cổ đông</i> và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức, pháp nhân có liên quan đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và <del>trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</del></p> <p><i>Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân.</i></p> <p><i>Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của Cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của Cổ đông là các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Quốc</i></p>	Theo Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			gia Việt Nam hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này.	
81.	Điểm a Khoản 4 Điều 30	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những Người có liên quan của họ;</li> <li>▪ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên Tổng công ty, Người quản lý khác;</li> <li>▪ Doanh nghiệp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 159 và Điểm b Khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp và Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Người quản lý khác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cổ đông, người đại diện <i>theo</i> uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những Người có liên quan của họ;</li> <li>▪ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên Tổng công ty, Người quản lý khác và <i>Người có liên quan của họ</i>;</li> <li>▪ Doanh nghiệp quy định tại <del>Điểm a</del> Khoản 2 Điều 159 <del>164</del> và <del>Điểm b</del> Khoản 2 Điều 159 Luật <del>Doanh nghiệp</del> và <del>Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Người quản lý khác.</del></li> </ul>	Theo Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020.
82.	Điểm b Khoản 4 Điều 30	Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có thể gây ra xung đột về lợi ích quy định tại Điều 30 này mà có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký kết hợp đồng phải thông báo đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm	Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có thể gây ra xung đột về lợi ích quy định tại <i>Điểm a</i> Khoản 4 Điều 30 này mà có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản <i>của Tổng công ty</i> ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký kết hợp đồng phải thông báo đến các thành	Theo Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;</p>	<p>viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên <i>Hội đồng quản trị</i> có lợi ích liên quan <i>đến các bên trong hợp đồng, giao dịch đó</i> không có quyền biểu quyết;</p>	
83.	Điểm c Khoản 4 Điều 30	<p>Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác có thể gây ra xung đột về lợi ích quy định tại Điều 30 này trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 30 này. Người đại diện Tổng công ty ký kết hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác có thể gây ra xung đột về lợi ích quy định tại <del>Điểm a Khoản 4 Điều 30 này</del> <i>trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 30 này có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất; và hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.</i> Người đại diện Tổng</p>	<p>Theo Khoản 3 và Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo Điểm b Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</p>



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;	công ty ký kết hợp đồng, <i>giao dịch</i> phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan <i>đến các bên trong hợp đồng, giao dịch</i> đó không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 51% <i>trên 50%</i> tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;	
84.	Điểm e Khoản 4 Điều 30	Hợp đồng, giao dịch có thể gây ra xung đột về lợi ích sẽ bị xem là vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà không được chấp thuận như quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 4 Điều 30 này, gây thiệt hại cho Tổng công ty. Người ký kết hợp đồng, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó.	Hợp đồng, giao dịch có thể gây ra xung đột về lợi ích sẽ bị xem là vô hiệu <i>theo quyết định của Tòa án</i> và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được <del>giao ký kết hoặc thực hiện mà không được chấp thuận như không đúng</del> với quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 4 Điều 30 này, <del>gây</del> <del>thiệt hại cho Tổng công ty.</del> Người ký kết hợp đồng, <i>giao dịch</i> , Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó.	Theo Khoản 5 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
85.	Điểm c Khoản 1 Điều 32	Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (6) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;	Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (6) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; <i>Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</i>	Theo Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020.
86.	Điểm h Khoản 1 Điều 32	Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp hoặc vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng không muộn hơn bốn mươi tám (48) giờ từ khi phát hiện. yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm quy định tại Điều 160 165 của Luật Doanh nghiệp hoặc vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng không muộn hơn bốn mươi tám (48) giờ từ khi phát hiện, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
87.	Điểm m Khoản 1 Điều 32	Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;	Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <i>phê chuẩn phê duyệt danh sách</i> tổ chức kiểm toán độc lập <i>được chấp thuận</i> thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;	Theo Khoản 1 Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
88.	Điểm n Khoản 1 Điều 32	Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;	Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình; <i>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</i>	Theo Khoản 6 Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
89.	Khoản 2 Điều 32	Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến 30% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử tối đa một (1) người vào Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 30% đến 60% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử tối đa hai (2) người vào Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 60% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử tối đa ba (3) người vào Ban kiểm soát.	<del>Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến 30% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử tối đa một (1) người vào Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 30% đến 60% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử tối đa hai (2) người vào Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 60% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử tối đa ba (3) người vào Ban kiểm soát.</del>	Theo Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
90.	Đoạn 2 Khoản 3 Điều 32	Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên được quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.	Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên được quy định tại Điều 164 /69 Luật Doanh nghiệp.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
91.	Đoạn thứ ba, Khoản 3 Điều 32	Ban kiểm soát phải bầu một (1) thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty và phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên	Ban kiểm soát phải bầu một (1) thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát <del>phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty; và phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên</del>	Theo Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		chuyên nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	<del>ngành có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</del> Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	
92.	Khoản 4 Điều 32	Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc, được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Kiểm soát viên được trả <del>tiền lương hoặc</del> thù lao, <del>thưởng</del> theo công việc, được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tổng mức <del>tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác</del> và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Theo Khoản 1 Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020.
93.	Khoản 6 Điều 32	Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là ba (3) năm. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa ba (3) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	<del>Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là ba (3) năm. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa ba (3) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</del>	Theo Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020.
94.	Điểm f Khoản 7 Điều 32	Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 7 Điều 32 này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì	Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, <del>d</del> và <del>e</del> Khoản 7 Điều 32 này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác	Theo Khoản 5 Điều 173 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;	thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; <i>Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty;</i>	
95.	Điểm h Khoản 7 Điều 32	Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục.	Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì <del>Hội đồng quản trị</del> phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục.	Theo Khoản 6 Điều 173 Luật Doanh nghiệp 2020.
96.	Điểm a Khoản 8 Điều 32	Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ này hoặc bị Pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;	Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều <del>164</del> 169 Luật <del>Doanh nghiệp</del> , Điều lệ này hoặc bị Pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
97.	Điểm c Khoản 8 Điều 32	Kiểm soát viên đó bị ảnh hưởng của chứng rối loạn tâm thần và những Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực điều khiển hành vi; hoặc	Kiểm soát viên đó bị ảnh hưởng của chứng rối loạn tâm thần và những Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực điều khiển hành vi; <del>hoặc</del> .	Tương ứng với đề xuất sửa đổi điểm d khoản 8 Điều 32.
98.	Điểm d Khoản 8 Điều 32	Kiểm soát viên đó không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.	<del>Kiểm soát viên đó không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. (xem điểm d, chuyển nội dung xuống Khoản 10 Điều 32).</del>	Theo Khoản 2 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
99.	Khoản 10 Điều 32	Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ; c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng, hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên <i>theo</i> quy định của Luật <i>đ</i> Doanh nghiệp và Điều lệ <i>này</i> ; c. <i>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i> d. <i>Trường hợp khác theo nghị quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</i>	Theo Khoản 2 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020.
100.	Khoản 6 Điều 35	Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền Đồng và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại, nếu có, phát sinh từ hình thức thanh toán đó. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi	Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền Đồng và <del>có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng</del> <i>theo các phương thức thanh toán theo quy định của Pháp luật và nếu có rủi ro phát sinh</i> thì Cổ đông đó phải chịu trách nhiệm về các <del>tiệt</del> <i>thiệt</i> hại, nếu có, phát sinh từ hình thức thanh toán đó. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng	Theo Khoản 3 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Tổng công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Tổng công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Tổng công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Tổng công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.	chuyển khoản qua ngân hàng khi Tổng công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Tổng công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Tổng công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Tổng công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.	
101.	Khoản 1 Điều 37	Tổng công ty là chủ sở hữu đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Công ty con TNHH ITV). Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty con TNHH ITV theo quy định tại Điều 75, Điều 76 và Điều 77 Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định của Pháp luật.	Tổng công ty là chủ sở hữu đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Công ty con TNHH ITV). Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty con TNHH ITV theo quy định tại Điều 75, 76, Điều 76, 77 và Điều 77, 78 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định của Pháp luật.	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020.
102.	Điểm e Khoản 6 Điều 48	Dấu đóng trên văn bản phải ngay ngắn, rõ ràng, đúng chiều và dùng đúng màu mực quy định. Khi đóng dấu lên chữ ký, dấu đóng phải trùm lên khoảng 1/3 đến khoảng 2/3 chữ ký về phía bên trái.	Dấu đóng trên văn bản phải ngay ngắn, rõ ràng, đúng chiều và dùng đúng màu mực quy định. Khi đóng dấu lên chữ ký, dấu đóng phải trùm lên khoảng 1/3 đến khoảng 2/3 chữ ký về phía bên trái.	Theo điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.



**PHỤ LỤC 02**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

*(Đính kèm Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/8/2021 của Đại hội đồng cổ  
đông Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí)*

**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
1.			<p>Xuyên suốt Quy chế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay cụm từ “Luật doanh nghiệp” bằng cụm từ “Luật Doanh nghiệp”;</li> <li>- Thay cụm từ “Luật chứng khoán” bằng cụm từ “Luật Chứng khoán”.</li> </ul>	<p>Thống nhất cách viết hoa theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.</p>
2.	Khoản 1.1	<p>Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được xây dựng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 26/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Điều lệ”) trên cơ sở vận dụng những thông lệ tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với nhu cầu về quản trị của Tổng công ty. Quy chế được Hội đồng quản trị xây dựng trên cơ sở hệ thống các nguyên tắc bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản</p>	<p>Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được xây dựng theo quy định của Luật <del>đ</del>Doanh nghiệp, Luật <del>đ</del>Chứng khoán, <del>Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 26/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn, các quy định pháp luật</del> về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Điều lệ”) trên cơ sở vận dụng những thông lệ tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với nhu cầu về quản trị của Tổng công ty. Quy chế được Hội đồng quản trị xây dựng trên cơ sở hệ thống các nguyên tắc bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”),</p>	<p>Thống nhất cách viết hoa theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.</p> <p>Nghị định số 71/2017/NĐ-CP đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2021.</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		trị (“HDQT”), Ban kiểm soát, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Người có liên quan của họ, đảm bảo đối xử công bằng giữa các Cổ đông và công khai, minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty.	Ban kiểm soát, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Người có liên quan của họ, đảm bảo đối xử công bằng giữa các Cổ đông và công khai, minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty.	
3.	Khoản 2.4	Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Thông tư số 95/2017/TT-BTC (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.	Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, <del>Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Thông tư số 95/2017/TT-BTC</del> và các quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.	Như trên.
4.	Đoạn 2 Điều 5.1	Cổ đông đăng ký yêu cầu làm việc (thời gian, nội dung cần trao đổi, người cần gặp v.v.) với Bộ phận Quan hệ cổ đông bằng văn bản và kèm theo các tài liệu liên quan cần thiết (nếu có). Yêu cầu làm việc phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh/ đăng ký doanh	Cổ đông đăng ký yêu cầu làm việc (thời gian, nội dung cần trao đổi, người cần gặp v.v.) với Bộ phận Quan hệ cổ đông bằng văn bản và kèm theo các tài liệu liên quan cần thiết (nếu có). Yêu cầu làm việc phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú <del>liên lạc</del> , quốc tịch, số <del>giấy tờ pháp lý của cá nhân</del> số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số <del>quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh/ đăng</del>	Thay đổi thuật ngữ theo Khoản 16, 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>ngành, mã số doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần làm việc, mục đích làm việc. Bộ phận Quan hệ cổ đông có trách nhiệm báo cáo với người được yêu cầu gặp và/hoặc Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc (trong trường hợp cần thiết) để sắp xếp lịch làm việc phù hợp.</p>	<p><del>ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</del> đối với Cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần làm việc, mục đích làm việc. Bộ phận Quan hệ cổ đông có trách nhiệm báo cáo với người được yêu cầu gặp và/hoặc Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc (trong trường hợp cần thiết) để sắp xếp lịch làm việc phù hợp.</p>	
5.	Khoản 7.1	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Điều lệ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập danh sách các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của Pháp luật về chứng khoán;</li> <li>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin</li> </ul>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Điều lệ phải thực hiện <del>những nhiệm vụ các công việc</del> sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập danh sách các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông <del>ít nhất năm (5) ngày làm việc không quá 10 ngày</del> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; <i>Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</i> <del>Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của Pháp luật về chứng khoán;</del></li> </ul>	<p>Theo Khoản 5 Điều 140 và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Theo Khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Theo Khoản 1 Điều 17 Điều lệ PV Drilling.</p>



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định thời gian và địa điểm họp;</li> <li>- Thông báo và gửi thông báo họp cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;</li> <li>- Cung cấp thông tin liên quan đến danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp phù hợp với Pháp luật và các quy định của Tổng công ty.</li> </ul>	<p><del>Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và, sao chép danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</del></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;</li> <li>- Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</li> <li>- Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;;</li> <li>- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;</li> <li>- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;</li> <li>- Công việc khác phục vụ cuộc họp.</li> <li>- <del>Cung cấp thông tin liên quan đến danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp phù hợp với Pháp luật và các quy định của Tổng công ty.</del></li> </ul>	

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
6.	Khoản 7.2	<p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất ít nhất 10 ngày trước ngày họp bằng phương thức bảo đảm (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang tin thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu gửi kèm cho Cổ đông (bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh) sử dụng trong cuộc họp, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang</p>	<p><del>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.</del></p> <p><del>– Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất ít nhất 10 là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp bằng phương thức bảo đảm (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang tin thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.</del></p>	<p>Theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 17 Điều lệ PV Drilling.</p> <p>Theo Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>- Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên và địa chỉ thường trú của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và các yêu cầu khác đối với người dự họp.</p>	<p><del>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu gửi kèm cho Cổ đông (bằng tiếng, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp được đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</del></p> <p>a) <i>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</i></p> <p>b) <i>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;</i></p> <p>c) <i>Phiếu biểu quyết;</i></p> <p>d) <i>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</i></p>	

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			- Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên và địa chỉ thường trú liên lạc của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và các yêu cầu khác đối với người dự họp	
7.	Khoản 9.4	<p>Biên bản họp</p> <p>Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ....;</p> <p>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Biên bản họp</p> <p>Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...;</p> <p>i) <i>Họ, tên, Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</i></p> <p><i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này.</i></p> <p><i>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Chủ tọa và thư ký cuộc họp <i>hoặc người khác ký</i></p>	Theo Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<i>tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</i>	
8.	Khoản 10.1	HDQT quyết định việc áp dụng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết. Trừ trường hợp được quy định tại Điều 10.2 dưới đây, Tổng công ty có thể áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	HDQT quyết định việc áp dụng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về <i>mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào</i> nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. <del>Trừ trường hợp được quy định tại Điều 10.2 dưới đây, Tổng công ty có thể áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</del>	Theo Điều 19.4 Điều lệ PV Drilling.
9.	Khoản 10.2	Tổng công ty không áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại;</li> <li>- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;</li> <li>- Quyết định giao dịch bán, chuyển nhượng,</li> </ul>	<del>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Tổng công ty không áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau:</del>	Theo Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 19.4 Điều lệ PV Drilling.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>tặng, cho tài sản Tổng công ty hoặc Đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giao dịch mua/dầu tư, nhận chuyển nhượng số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</li> <li>- Thay đổi các quyền theo Điều 16 Điều lệ.</li> </ul>	<p><del>—Loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại;</del>  <del>—Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</del>  <del>—Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;</del>  <del>—Quyết định giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho tài sản Tổng công ty hoặc Đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giao dịch mua/dầu tư, nhận chuyển nhượng số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</del>  <del>—Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</del>  <del>—Thay đổi các quyền theo Điều 16 Điều lệ.</del></p>	
10.	Khoản 11.2	Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người được ủy quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT hoặc cá nhân, pháp nhân khác làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền chỉ được coi là hợp lệ khi tuân thủ các điều kiện đã được ghi trong Điều 15 của Điều lệ và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người được ủy quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT hoặc cá nhân, pháp nhân, <i>tổ chức</i> khác làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền chỉ được coi là hợp lệ khi tuân thủ các điều kiện đã được ghi trong Điều 15 của Điều lệ và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	<p>Theo Điểm b Khoản 13 Điều 18 Điều lệ PV Drilling.</p> <p>Theo Điểm b Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
11.	11.3	Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến trước Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.	Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến trước Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán. <i>Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của Cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.</i>	Theo Khoản 4 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
12.	Khoản 11.4	Nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty sẽ ưu tiên đầu tư áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thực hiện việc gửi ý kiến bằng văn	Nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty sẽ ưu tiên đầu tư áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham dự, <i>phát biểu ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông</i>	Theo Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		bản một cách tốt nhất.	qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, thực hiện việc gửi ý kiến bằng văn bản một cách tốt nhất.	
13.	Khoản 11.5	Trong trường hợp vì lý do thực tế không thực hiện được nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì HĐQT có thể trực tiếp hoặc theo đề nghị của người có liên quan báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, sửa đổi bổ sung/hủy bỏ nghị quyết đã ban hành bằng hình thức triệu tập họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	<i>Các nội dung đã được thông qua tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất.</i> Trong trường hợp vì lý do thực tế không thực hiện được hoặc cần thay đổi nội dung của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì HĐQT có thể trực tiếp hoặc theo đề nghị của người có liên quan báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, sửa đổi bổ sung/hủy bỏ nghị quyết đã ban hành bằng hình thức triệu tập họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	Theo Khoản 2 Điều 272 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
14.	Điều 12	Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ. Ngoài các nội dung khác theo quy định, báo cáo phải đảm bảo có các nội dung sau:  - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp	Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại điểm c Khoản 2-3 Điều <del>136</del> 139 Luật <del>d</del> Doanh nghiệp và Điều lệ. Ngoài các nội dung khác theo quy định, báo cáo phải đảm bảo có các nội dung sau:  - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều <del>158</del> 163 Luật <del>d</del> Doanh	Luật DN 2020 thay đổi thứ tự các điều khoản.  Theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>và Điều lệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với những Người điều hành khác;</li> <li>- Các kế hoạch trong tương lai.</li> </ul>	<p>ngành và Điều lệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;</li> <li>- Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</li> <li>- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT;</li> <li>- Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có);</li> <li>- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với những Người điều hành khác;</li> <li>- Các kế hoạch trong tương lai.</li> </ul>	
15.	Điều 13	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông	Luật DN 2020 thay đổi thứ tự các điều khoản.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ Khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</li> <li>- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những Người quản lý khác;</li> <li>- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và Cổ đông.</li> </ul>	<p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ Khoản 2 Điều <del>136</del> <i>139</i> Luật <del>Doanh nghiệp</del>, ngoài ra phải đảm bảo các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3 Điều <del>167</del> <i>172</i> Luật <del>Doanh nghiệp</del> và Điều lệ;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</li> <li>- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;</li> <li>- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần</li> </ul>	<p>Theo Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<p><i>nhất trước thời điểm giao dịch;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những Người quản lý khác;</li> <li>- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và Cổ đông.</li> </ul>	
16.	Khoản 14.1	<p>Tiêu chuẩn và điều kiện</p> <p>a) Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông;</li> <li>- Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác. Sau hai (2) năm kể từ ngày 01/8/2017, thành viên HĐQT của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của quá năm (5) công ty khác;</li> <li>- Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh</li> </ul>	<p>Tiêu chuẩn và điều kiện:</p> <p>a) Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><del>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không</del> thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều <del>18-17</del> của Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý <del>trị</del> kinh doanh <i>hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh</i> của Tổng công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông;</li> <li>- Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác. <del>Sau hai (2) năm kể từ ngày 01/8/2017, thành viên HĐQT của Tổng</del> công ty <i>nhưng</i> không được đồng thời là thành viên HĐQT của quá năm (5) công ty khác;</li> <li>- Không được là vợ, <del>hoặc</del> chồng, <del>cha</del> <i>bố</i> đẻ, cha</li> </ul>	Theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và Người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Định nghĩa về người quản lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được xác định theo Điều lệ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.</p> <p>b) Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a) trên đây, thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty ít nhất trong ba (3) năm liền trước đó;</li> <li>- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</li> <li>- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công</li> </ul>	<p><i>bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, <del>bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ</del>, con đẻ, con nuôi, <del>con rể, con dâu</del>, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, <del>anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng</del> của Tổng giám đốc và Người quản lý khác của Tổng công ty; <del>không được là người có liên quan</del> của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Định nghĩa về người quản lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được xác định theo Điều lệ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.</i></p> <p>b) Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a) trên đây, thành viên độc lập HĐQT phải có <i>thêm</i> các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, <i>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc</i> công ty con của <del>Tổng công ty</del>; không phải là người đã làm việc cho Tổng công ty, <i>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc</i> công ty con của Tổng công ty ít nhất trong ba (3) năm liền trước đó;</li> <li>- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành</li> </ul>	

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>ty hoặc công ty con của Tổng công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;</li> <li>- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (5) năm liền trước đó.</li> </ul> <p>Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định trên và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.</p>	<p>viên HĐQT được hưởng theo quy định;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha bố đẻ, cha bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;</li> <li>- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;</li> <li>- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (5) năm liền trước đó, <i>trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 2 nhiệm kỳ.</i></li> </ul> <p>Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ <i>các tiêu chuẩn</i> và điều kiện theo quy định trên và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ <i>tiêu chuẩn</i> và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ <i>các tiêu chuẩn</i> và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc <del>tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản</del> để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên</p>	



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
			độc lập HĐQT để trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.	
17.	Điểm a Khoản 14.2	Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền tự ứng cử hoặc gộp số quyền biểu quyết của từng Cổ đông lại với nhau để đề cử Ứng cử viên HĐQT theo điều kiện như sau: - Cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (1) ứng cử viên;	Cổ đông sở hữu cổ phần <del>phổ thông</del> <del>có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng</del> có quyền tự ứng cử hoặc gộp số quyền biểu quyết của từng Cổ đông lại với nhau để đề cử Ứng cử viên HĐQT theo điều kiện như sau: - Cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số <del>Cổ phần có quyền biểu quyết</del> hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần <del>phổ thông có quyền biểu quyết</del> được đề cử tối đa một (1) ứng cử viên;	Theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020. Khoản 2 Điều 20 Điều lệ PV Drilling. Theo Khoản 2 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
18.	Điểm d Khoản 14.2	Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác, hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm: - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn;	Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác, <del>hợp lý</del> của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, <del>trung thành</del> , cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm: - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn;	Theo Khoản 1 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình công tác;</li> </ul> <p>Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình công tác;</li> <li>- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);</li> <li>- Lợi ích có liên quan đến Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;</li> <li>- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này.</li> </ul>	
19.		Tổng công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà Ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của Ứng cử viên HĐQT (nếu có).	<del>Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà Ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của Ứng cử viên HĐQT (nếu có).</del>	Theo Điểm g Khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
20.	Khoản 14.4	<p>Miễn nhiệm, bãi nhiệm</p> <p>a) Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ;</li> <li>- Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất</li> </ul>	<p>Miễn nhiệm, bãi nhiệm</p> <p>a) Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 /55 của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ;</li> <li><del>Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả</del></li> </ul>	Theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>khả kháng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đơn từ chức;</li> <li>- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ.</li> </ul> <p>b) Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>kháng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đơn từ chức và <i>được chấp thuận</i>;</li> <li>- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ.</li> </ul> <p>b) Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <i>trong trường hợp sau đây:-</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i></li> <li>- <i>Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</i></li> </ul> <p>c) <i>Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại Điểm a và b Khoản này.</i></p>	
21.	Đoạn cuối Điểm b Khoản 16.1	<p>Cuộc họp HĐQT bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp như đã nêu ở trên. Nếu Chủ tịch HĐQT không triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu</p>	<p><del>Cuộc họp HĐQT bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT</del> <i>phải</i> quyết định triệu tập <del>họp HĐQT và chủ trì phải được tiến hành</del> trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp <del>nư quy định đã nêu ở trên. Nếu Trường hợp Chủ tịch HĐQT</del> không triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có</p>	<p>Theo Khoản 5 và 6 Điều 30 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		tập hợp HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên HĐQT lựa chọn sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp phải được gửi đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất ba (3) ngày làm việc trước khi tổ chức cuộc họp. Nội dung cuộc họp HĐQT bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị.	quyền thay thế <i>Chủ tịch</i> HĐQT triệu tập họp HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên HĐQT lựa chọn sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp <i>phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề nội-dung</i> thảo luận và <i>quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải được gửi thông báo mời họp</i> đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất ba (3) ngày làm việc trước khi tổ chức cuộc họp. <del>Nội dung cuộc họp HĐQT bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị.</del> <i>Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng công ty.</i>	
22.	Khoản 16.2.	Biểu quyết của người vắng mặt Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết	Biểu quyết của người vắng mặt Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về	Theo Khoản 9 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi thư, fax, thư điện tử. Trong trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết này phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới người triệu tập cuộc họp không muộn hơn một (1) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	ng nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi thư, fax, <i>phương tiện thư điện tử hoặc gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ</i> . Trong trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết này phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển <i>đến Chủ tịch HĐQT</i> tới người triệu tập <del>cuộc họp không muộn hơn</del> <i>chậm nhất là</i> một (1) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	2020.
23.	Khoản 16.5 (Đoạn cuối)	Bất kỳ thành viên HĐQT nào hoặc Người có liên quan của thành viên HĐQT đó hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Bất kỳ thành viên HĐQT nào hoặc Người có liên quan của thành viên HĐQT đó hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều <del>162</del> 167 Luật <del>Doanh nghiệp</del> sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Theo Luật Doanh nghiệp 2020.
24.	Khoản 16.6 (Đoạn 2)	Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một (1) văn bản nếu mỗi bản sao đó được một (1) thành viên HĐQT trở lên ký. Số lượng những thành viên ký vào nghị quyết không thấp	<del>Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</del> Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một (1) văn bản nếu mỗi bản sao đó được <i>ít nhất</i> một (1) thành viên HĐQT <del>trở lên ký</del> . <i>Tổng Số số lượng</i> những thành viên ký vào <i>tất cả các bản sao</i> nghị	Chuyển thành điều khoản mới

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT theo quy định tại Điều 16.4 của Quy chế. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Kết quả kiểm phiếu trong trường hợp này phải được ghi vào biên bản thông qua nghị quyết của HĐQT.	<del>quyết như trên không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT theo quy định tại Điều 16.4 của Quy chế phải đảm bảo lớn hơn 50% số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết.</del> Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Kết quả kiểm phiếu trong trường hợp này phải được ghi vào biên bản thông qua nghị quyết của HĐQT. <i>Tất cả các bản sao có chữ ký như trên phải được ghi nhận vào biên bản thông qua nghị quyết của HĐQT và phải được lưu trữ toàn vẹn theo quy định.</i>	
25.	Khoản 16.7	Đoạn 1 Khoản 16.7 Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của Quy chế HĐQT, Điều lệ và Pháp luật. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và được chủ tọa và người ghi biên bản ký xác nhận. Biên bản họp HĐQT phải có các nội dung được quy định tại	Đoạn 1 Khoản 16.7 Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, <i>trong đó có họ, tên, chữ ký chủ</i> Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản <del>phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</del> Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của Quy chế <i>hoạt động của</i> HĐQT, Điều lệ và Pháp luật. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và được chủ tọa và người ghi biên bản ký xác nhận. Biên bản họp HĐQT phải	Theo Điều 279 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Theo Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo Khoản 15 Điều 24 Điều lệ PV Drilling.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp	<p>có các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Bổ sung đoạn mới:</p> <p><i>“Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.”</i></p>	
26.	17.3	<p>Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và Cổ đông;</li> <li>...</li> </ul> <p>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ</p>	<p>Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và Cổ đông;</li> <li>...</li> <li>- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</li> <li>- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.</li> </ul>	Theo Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
27.	Khoản 18.1.	Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên được quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.	Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên được quy định tại Điều 164 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.	Theo Luật Doanh nghiệp 2020.



STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
28.	Khoản 19.1	Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến 30% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền đề cử tối đa một (1) người vào Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 30% đến 60% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền đề cử tối đa hai (2) người vào Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 60% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền đề cử tối đa ba (3) người vào Ban kiểm soát.	<del>Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến 30% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền đề cử tối đa một (1) người vào Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ trên 30% đến 60% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền đề cử tối đa hai (2) người vào Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 60% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền đề cử tối đa ba (3) người vào Ban kiểm soát.</del>	Theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
29.	Điều 20	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 20.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ; b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường	<del>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 20.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ; b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bắt</del>	Theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d) Các trường hợp khác do Điều lệ quy định.</p> <p>20.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><del>khả-kháng;</del>(<del>bỏ điểm b</del>)</p> <p>c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d) Các trường hợp khác do Điều lệ quy định.</p> <p>20.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) <i>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i></p> <p>c) Vi phạm nghiêm trọng, hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên <i>theo</i> quy định của Luật <del>đ</del>Doanh nghiệp và Điều lệ;</p> <p>d) <del>Theo quyết định của Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</del></p>	
30.	Điều 24.1	Phân cấp quyền hạn trách nhiệm giữa HĐQT và Tổng giám đốc được thực hiện theo Quy chế làm việc của HĐQT Tổng công ty do HĐQT ban hành.	Phân cấp quyền hạn, trách nhiệm giữa HĐQT và Tổng giám đốc được thực hiện theo Quy chế <del>làm việc hoạt động</del> của HĐQT Tổng công ty do <del>HĐQT Đại hội đồng cổ đông ban hành phê duyệt.</del>	Theo Điểm 1 Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.



### PHỤ LỤC 03

## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PV DRILLING


*(Đính kèm Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/8/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí)*

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ  
-----00-----

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

*(được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày  
04/10/2021)*

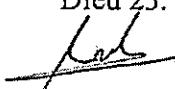
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2021



# MỤC LỤC

-----o0o-----

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Mục đích và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT .....	3
Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT.....	5
Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên HĐQT .....	6
Điều 5. Chức năng điều hành của Tổng giám đốc.....	6
Điều 6. Thư ký và các bộ phận giúp việc của HĐQT .....	6
CHƯƠNG II CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
Điều 7. Chế độ làm việc của HĐQT.....	7
Điều 8. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT .....	7
Điều 9. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT.....	8
Điều 10. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT.....	9
Điều 11. Chuẩn bị các nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT.....	9
Điều 12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.....	9
Điều 13. Biên bản cuộc họp của HĐQT.....	10
Điều 14. Nghị quyết của HĐQT.....	10
Điều 15. Thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	11
Điều 16. Ban hành nghị quyết, quyết định của HĐQT .....	11
Điều 17. Quy trình họp HĐQT.....	11
CHƯƠNG III PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	12
Điều 18. Trong hoạt động huy động vốn.....	12
Điều 19. Trong hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty .....	13
Điều 20. Trong hoạt động đầu tư xây dựng hoặc mua sắm tài sản .....	13
Điều 21. Trong lĩnh vực mua sắm/mua bán kinh doanh hàng hóa và dịch vụ phục vụ hoạt động của Tổng công ty .....	14
Điều 22. Trong hoạt động thế chấp, bảo lãnh, bảo đảm và bồi thường.....	15
Điều 23. Thông qua hợp đồng và chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có thể gây ra xung đột về lợi ích.....	15
Điều 24. Trong hoạt động thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định.....	15
Điều 25. Trong hoạt động tổ chức, nhân sự và quản trị Tổng công ty.....	15



Điều 26. Trong hoạt động quản lý vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác và các vấn đề khác .....	17
Điều 27. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo .....	17

#### CHƯƠNG IV QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ

TRONG TỔNG CÔNG TY .....	18
Điều 28. Quan hệ với Ban Kiểm soát (BKS).....	18
Điều 29. Quan hệ với bộ máy điều hành Tổng công ty .....	19
Điều 30. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên.....	19
Điều 31. Quan hệ với cổ đông .....	19

#### CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....

Điều 32. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế.....	20
Điều 33. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	20
Điều 34. Điều khoản thi hành.....	20



⊕

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
(được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết số .../.../NQ-ĐHĐCĐ ngày  
...../...../2021)

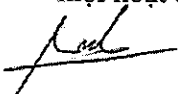
**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích và đối tượng áp dụng**

- 1.1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Quy chế”) được xây dựng căn cứ vào Điều lệ Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Điều lệ”) và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Quy chế nội bộ về quản trị công ty”) nhằm đảm bảo thực hiện vai trò lãnh đạo và chức năng quản lý của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), quy định cụ thể nguyên tắc, chế độ làm việc của HĐQT, chế độ phân công, phân cấp trách nhiệm cũng như xác định mối quan hệ giữa HĐQT với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Tổng công ty”).
- 1.2. Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT của Tổng công ty. Những vấn đề không nêu trong Quy chế này được áp dụng theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty thì các quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty sẽ được áp dụng.
- 1.3. Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và/hoặc trong Luật Doanh nghiệp.
- 1.4. HĐQT thực hiện chức năng quản trị Tổng công ty thông qua các nghị quyết của HĐQT và chịu sự kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể. Tất cả các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và trước pháp luật về các nghị quyết của HĐQT đối với các hoạt động của Tổng công ty theo nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua.

**Điều 2. Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT**


- 2.1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty. HĐQT gồm bảy (7) thành viên do ĐHĐCĐ bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm và có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định và thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về mọi hoạt động của Tổng công ty.





2.2. HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

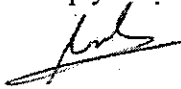
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức các chức danh Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc (trừ trường hợp người được bổ nhiệm, miễn nhiệm hay bãi nhiệm là Tổng giám đốc); quyết định mức lương và lợi ích khác của các chức danh đó (việc thay đổi mức lương và các lợi ích khác trong quá trình công tác được thực hiện theo quy định của Tổng công ty); phê chuẩn việc cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác theo quy định tại các Điều 37, 38 và 39 của Điều lệ. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng với những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm (nếu có); Việc bãi nhiệm Tổng giám đốc phải tuân theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Điều lệ;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của Tổng công ty, phê chuẩn điều lệ Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, phê chuẩn việc thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty (bao gồm góp vốn đầu tư trực tiếp, theo hình thức liên doanh có giá trị trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp/vốn góp các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới), chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng phần vốn góp, mua, bán cổ phần tại doanh nghiệp khác có giá trị giao dịch lớn hơn năm mươi (50) tỷ Đồng theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- e) Đề xuất để ĐHĐCĐ thông qua các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- f) Đề xuất để ĐHĐCĐ phê duyệt phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo một giá xác định trước phù hợp với quy định tại Khoản 9 Điều 5 của Điều lệ;
- g) Quyết định phê duyệt phương án phát hành các loại trái phiếu ngoài các trường hợp quy định tại Điều 2.2.f của Quy chế này theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- h) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và những Người quản lý khác trong điều hành công việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết, quy chế của HĐQT của Tổng công ty;
- i) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều 14 Điều lệ, Điều 167 Luật Doanh nghiệp được quyết định theo Điều 30 Điều lệ;



- j) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên ĐHĐCĐ;
- k) Kiến nghị mức cổ tức được trả và xác định mức cổ tức tạm thời; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- m) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản Điều 133 Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
- n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- o) Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến các thủ tục pháp lý giải quyết các khiếu nại của Người quản lý đó;
- p) Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- q) Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua; và
- r) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định của pháp luật và Điều lệ.

### **Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT**

- 3.1. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ theo Khoản 3 Điều 22 Điều lệ. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT có thêm các quyền và nhiệm vụ sau:
  - a) Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;
  - b) Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;
  - c) Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa các kỳ họp HĐQT.
- 3.2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, Phó Chủ tịch HĐQT sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp chưa có Phó Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch HĐQT sẽ ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thay mặt Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp nêu trên nếu Chủ tịch HĐQT không chỉ định Phó Chủ tịch HĐQT/thành viên HĐQT khác hành động như vậy hoặc không thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt, các thành viên còn lại sẽ chỉ định Phó Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ được vì lý do nào đó thì các thành viên HĐQT còn lại bầu chọn một người trong số họ để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 3.3. Chủ tịch HĐQT quyết định việc cử các thành viên HĐQT đi công tác trong và ngoài nước phù hợp với kế hoạch hoạt động của HĐQT (quyết định cử Chủ tịch HĐQT đi công tác sẽ do Tổng giám đốc Tổng công ty ký phù hợp với kế hoạch hoạt động của HĐQT, trong trường hợp Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc đều cùng đi công tác thì quyết định sẽ do Phó Chủ tịch HĐQT ký).



#### **Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên HĐQT**

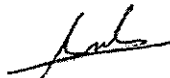
- 4.1. Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.
- 4.2. Các thành viên HĐQT tự chịu trách nhiệm về phần việc được giao của mình. Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và trước pháp luật về mọi nghị quyết của HĐQT trong hoạt động quản lý Tổng công ty trừ thành viên HĐQT đã không tham gia biểu quyết (tự mình biểu quyết hoặc uỷ quyền) hoặc biểu quyết không thông qua hoặc bảo lưu ý kiến đối với nghị quyết đó.
- 4.3. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc thanh toán các chi phí này phải phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.
- 4.4. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thủ tục yêu cầu và cung cấp các thông tin, tài liệu phải được thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 22 của Điều lệ.

#### **Điều 5. Chức năng điều hành của Tổng giám đốc**

- 5.1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
- 5.2. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ và chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về hoạt động điều hành Tổng công ty.

#### **Điều 6. Thư ký và các bộ phận giúp việc của HĐQT**

- 6.1. HĐQT sẽ chỉ định một (hoặc nhiều người) làm thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm thư ký Tổng công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về hợp đồng lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Tổng công ty quy định tại Khoản 3 Điều 28 Điều lệ và các công việc khác do HĐQT giao. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT có thể thành lập, giải thể, tổ chức lại bộ phận giúp việc và ban hành quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ của bộ phận giúp việc (Tổ thư ký, Ban thư ký, v.v.) bao gồm Thư ký Tổng công ty, Người phụ trách quản trị công ty và các thành viên khác được phân công giúp việc cho HĐQT phù hợp với Điều lệ và nhu cầu công việc của HĐQT.
- 6.2. HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (5) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Tổng công ty. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ và các công việc khác do HĐQT giao.
- 6.3. HĐQT có thể thành lập các Tổ công tác hoặc Tổ tư vấn để giải quyết một vụ việc cụ thể khi cần thiết bao gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều



người khác ở ngoài HĐQT trong Tổng công ty nếu cho là phù hợp, do một thành viên HĐQT là Tổ trưởng đề thẩm định và/hoặc tư vấn cho HĐQT xem xét phê duyệt các đề án hợp tác kinh doanh, các dự án đầu tư cũng như các vấn đề khác thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của HĐQT và do Tổng giám đốc đề nghị.

- 6.4. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (3) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này nên được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của ĐHCĐ.

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định của Pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

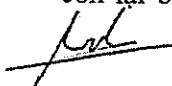
## **CHƯƠNG II CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 7. Chế độ làm việc của HĐQT**

- 7.1. HĐQT họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT hoặc không có điều kiện để triệu tập cuộc họp, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Nghị quyết của HĐQT được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT.
- 7.2. HĐQT có thể họp bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ.
- 7.3. Các thành viên HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công; phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và nội dung biểu quyết của mình.
- 7.4. Các thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của HĐQT, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết của HĐQT.

### **Điều 8. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT**

- 8.1. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền (hoặc nếu chưa có Phó Chủ tịch thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Trong trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT đều vắng mặt và không có ủy quyền cho thành viên HĐQT, thì các thành viên còn lại bầu chọn một người trong số họ để triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo

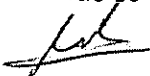


mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản và phải được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng công ty và những thành viên được mời tham dự chậm nhất là ba (3) ngày làm việc trước khi tổ chức cuộc họp.

- 8.2. Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT mà không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng nào sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- a) Tổng giám đốc; hoặc
  - b) Ít nhất năm (5) Người quản lý; hoặc
  - c) Ít nhất hai (2) thành viên HĐQT; hoặc
  - d) Ban kiểm soát; hoặc
  - e) Thành viên độc lập HĐQT; hoặc
  - e) Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 24 của Điều lệ.
- 8.3. Cuộc họp bất thường của HĐQT phải được tiến hành trong vòng bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp quy định tại Điều 8.2 nêu trên. Trong trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT đều vắng mặt, thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc thành viên HĐQT được các thành viên HĐQT còn lại lựa chọn sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận phải được thông báo bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất ba (3) ngày làm việc trước khi tổ chức cuộc họp. Nội dung cuộc họp HĐQT bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp bất thường chuẩn bị.
- 8.4. Thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp HĐQT thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác đi dự họp thay (người đại diện thay thế) nhưng phải gửi văn bản ủy quyền cho HĐQT trước thời gian dự kiến họp và được sự đồng ý của các thành viên HĐQT.

#### **Điều 9. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT**

- 9.1. Cuộc họp HĐQT chỉ có thể được coi là hợp lệ để tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT hiện hữu tại thời điểm họp dự họp trực tiếp hay qua ủy quyền.
- 9.2. Trường hợp triệu tập lần thứ nhất nhưng không có đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và khi đó cuộc họp HĐQT được coi là hợp lệ khi có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên HĐQT hiện hữu tại thời điểm họp dự họp trực tiếp hay theo ủy quyền.
- 9.3. Nếu triệu tập lần thứ hai nhưng không đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian và khi đó cuộc họp HĐQT được tiến hành mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên dự họp.



## **Điều 10. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT**

- 10.1. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Tổng công ty có thể được mời họp dự thính.
- 10.2. Những người quản lý khác, đại diện các tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên Tổng công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể được mời tham dự cuộc họp khi cần thiết.
- 10.3. Đại diện của cơ quan nhà nước có thể được mời tham dự cuộc họp của HĐQT khi thảo luận về các vấn đề có liên quan đến thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước đó. Trường hợp có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Tổng công ty thì đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở Tổng công ty có thể được mời dự họp.
- 10.4. Những người được mời họp dự thính không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến và tham gia thảo luận nhưng không được biểu quyết.

## **Điều 11. Chuẩn bị các nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT**

- 11.1. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công chịu trách nhiệm chuẩn bị các nội dung để thảo luận tại cuộc họp thường kỳ của HĐQT.
- 11.2. Các thành viên HĐQT và/hoặc các tiểu ban, Tổ công tác hoặc Tổ tư vấn có trách nhiệm, theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT, nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được Tổng giám đốc chuẩn bị và đề xuất biện pháp giải quyết để HĐQT xem xét quyết nghị.
- 11.3. Tổng giám đốc có nghĩa vụ hỗ trợ chuẩn bị các nội dung cuộc họp theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT.

## **Điều 12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác**

Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên dự họp khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên dự họp khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức đó. Mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “dự họp trực tiếp” cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định nêu trên được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại và các hình thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng biên bản có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp đó.



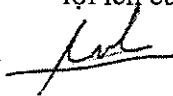
### **Điều 13. Biên bản cuộc họp của HĐQT**

- 13.1. Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được người ghi biên bản cuộc họp ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp của HĐQT. Biên bản cuộc họp của HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải được ký bởi Chủ toạ và người ghi biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 15 Điều 24 Điều lệ.
- 13.2. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc khi có yêu cầu.

### **Điều 14. Nghị quyết của HĐQT**

- 14.1. HĐQT sẽ ban hành nghị quyết đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT. Nghị quyết của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp.
- 14.2. Nguyên tắc thông qua nghị quyết của HĐQT là nguyên tắc đa số. Mỗi thành viên HĐQT trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân hoặc người được uỷ quyền hợp lệ đại diện cho thành viên đó tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, có giá trị ngang nhau. HĐQT thông qua các nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hay uỷ quyền (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
- 14.3. Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các nghị quyết của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay ngay tại cuộc họp HĐQT.
- 14.4. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi thư, fax, thư điện tử. Trong trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết bằng thư này phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT/người triệu tập họp HĐQT không muộn hơn một (1) tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 14.5. Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc Người liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 24 của Điều lệ, trong một cuộc họp của HĐQT, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, thì những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ của cuộc họp và quyết định của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị chung thẩm và là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.



Bất kỳ thành viên HĐQT nào hoặc Người có liên quan của thành viên HĐQT đó hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

- 14.6. Nghị quyết của HĐQT có tính bắt buộc thi hành trong Tổng công ty. Trường hợp Tổng giám đốc có ý kiến khác với nghị quyết của HĐQT, Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ. Trong thời gian chưa có quyết định của ĐHĐCĐ về việc giải quyết kiến nghị của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc phải chấp hành nghị quyết của HĐQT.

#### **Điều 15. Thông qua các nghị quyết của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

- 15.1. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản với điều kiện là các thành viên HĐQT phải nhận được đầy đủ các tài liệu có liên quan đến những nội dung được đề nghị HĐQT xem xét quyết nghị. Các thành viên HĐQT phải gửi ý kiến của mình cho Thư ký Tổng công ty trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu trừ trường hợp có yêu cầu khác về thời hạn. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
- 15.2. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một (1) văn bản nếu mỗi bản sao đó được một (1) thành viên HĐQT trở lên ký. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Kết quả kiểm phiếu trong trường hợp này phải được ghi vào biên bản thông qua nghị quyết của HĐQT.

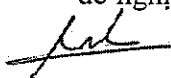
#### **Điều 16. Ban hành nghị quyết của HĐQT**

- 16.1. Tùy từng trường hợp, căn cứ vào biên bản cuộc họp/biểu quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký các nghị quyết của HĐQT để thực hiện trong toàn Tổng công ty.
- 16.2. Các nghị quyết sau khi đã được Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát để theo dõi, giám sát và thực hiện.

#### **Điều 17. Quy trình họp HĐQT**

Cuộc họp của HĐQT được thực hiện theo các bước sau:

- Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa nêu chương trình họp, các vấn đề cần thảo luận; các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh chương trình họp và các vấn đề thảo luận; nhưng Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa là người quyết định chương trình, nội dung họp.
- Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT của các kỳ họp trước; phân tích nguyên nhân và có thể yêu cầu HĐQT điều chỉnh lại các nghị quyết, quyết định của mình.
- Tổng giám đốc hoặc thành viên HĐQT (đối với vấn đề mà thành viên HĐQT đó đề nghị họp) báo cáo từng vấn đề và đề nghị HĐQT xem xét, quyết định; HĐQT





có quyền yêu cầu đại biểu được mời tham dự (không phải thành viên HĐQT) phát biểu về vấn đề có liên quan.

- HĐQT tiến hành thảo luận từng vấn đề một. Các thành viên HĐQT nêu ý kiến của mình. Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa tổng hợp và tóm tắt kết quả thảo luận, nêu các ý kiến thống nhất, chưa thống nhất và tiến hành cho biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín.
- Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa kết luận cuộc họp; người ghi biên bản cuộc họp thông qua dự thảo biên bản của kỳ họp.
- Chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp HĐQT ký tên và ghi rõ họ tên vào biên bản.

### CHƯƠNG III PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

#### **Điều 18. Trong hoạt động huy động vốn**

- 18.1. Hoạt động huy động vốn được thực hiện theo hình thức phát hành cổ phiếu, trái phiếu, các chứng quyền khác và vay vốn của các tổ chức tín dụng, các tổ chức khác thông qua việc ký kết các hợp đồng tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo quy định pháp luật và Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Tổng công ty.
- 18.2. Theo Điều lệ, HĐQT có thẩm quyền:
- (i) Đề xuất cho ĐHĐCĐ thông qua các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - (ii) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - (iii) Đề xuất cho ĐHĐCĐ phê duyệt phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo một giá xác định trước phù hợp với quy định tại Khoản 9 Điều 5 của Điều lệ;
  - (iv) Quyết định phê duyệt phương án phát hành các loại trái phiếu ngoài các trường hợp quy định tại Điều 18.2.(iii) nêu trên theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi theo đề nghị của Tổng giám đốc;
  - (v) Thông qua hợp đồng vay và hợp đồng khác cho mục đích huy động vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm k, Khoản 2 Điều 14 Điều lệ, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp được quyết định theo Điều 30 Điều lệ;
  - (vi) HĐQT có thể ra nghị quyết giao quyền cho Tổng giám đốc thực hiện một hoặc một số các quyền trên.
- 18.3. Tổng giám đốc quyết định vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt với hạn mức tín dụng nhỏ hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp được quyết định theo Điều 30 Điều lệ.

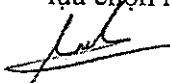


## **Điều 19. Trong hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty**

- 19.1. Căn cứ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ, HĐQT có thẩm quyền phê chuẩn:
- (i) việc góp vốn thành lập mới doanh nghiệp có 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu Tổng công ty;
  - (ii) các dự án đầu tư thành lập mới, góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác có giá trị trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp này;
  - (iii) các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) có giá trị trên 50% vốn góp của các bên trong BCC;
  - (iv) các khoản đầu tư ra ngoài Tổng công ty có giá trị trên 50 tỷ Đồng và dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
- 19.2. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty mà các dự án này không thuộc thẩm quyền phê chuẩn và quyết định của ĐHCĐ và HĐQT trên cơ sở phương án đã được HĐQT phê duyệt.
- 19.3. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả việc sử dụng các khoản vốn góp này ở từng Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Tổng công ty. Hằng quý, Tổng giám đốc và người đại diện theo ủy quyền (còn gọi là “người đại diện phần vốn”) của Tổng công ty có trách nhiệm báo cáo HĐQT tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Tổng công ty.
- 19.4. Tổng công ty có thể điều chỉnh dự án đầu tư, chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của Tổng công ty đã đầu tư ra ngoài Tổng công ty. Thẩm quyền quyết định được thực hiện tương ứng với thẩm quyền quyết định đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty quy định tại Điều 19.1 và Điều 19.2 của Quy chế này.

## **Điều 20. Trong hoạt động đầu tư xây dựng hoặc mua sắm tài sản**

- 20.1. Đối với các dự án của Tổng công ty (gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc): HĐQT quyết định đầu tư và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình có tổng mức đầu tư trên 100 tỷ Đồng và đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và các dự án đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện (bao gồm cả cải tạo, sửa chữa, thay thế, nâng cấp) có tổng mức đầu tư trên 70 tỷ Đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- 20.2. Đối với dự án của các công ty do PV Drilling nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) 100% vốn điều lệ: HĐQT phê duyệt (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc chấp thuận (đối với các công ty không phải là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình có tổng mức đầu tư trên 100 tỷ Đồng và các dự án đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện (bao gồm cả cải tạo, sửa chữa, thay thế, nâng cấp) có tổng mức đầu tư trên 70 tỷ Đồng. Trên cơ sở sự chấp thuận của HĐQT, các công ty không phải là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tiến hành phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo thẩm quyền.



- 20.3. Đối với các dự án của công ty liên doanh, liên kết, cổ phần và Công ty TNHH hai thành viên:

Hội đồng quản trị PV Drilling phân cấp cho Người đại diện phần vốn của PV Drilling tại các Công ty này quyết định đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu và quyết toán dự án đối với các dự án đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 20 tỷ Đồng hoặc dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất do Công ty làm Chủ đầu tư tùy theo giá trị nào thấp hơn.

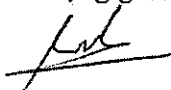
Đối với các dự án đầu tư có tổng mức đầu tư từ 20 tỷ Đồng trở lên hoặc từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất do Công ty làm Chủ đầu tư tùy theo giá trị nào thấp hơn, Người đại diện phần vốn của PV Drilling tại Công ty này trình Tổng công ty để xin ý kiến chấp thuận đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu và quyết toán dự án. Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị PV Drilling xem xét chấp thuận đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu nếu dự án đó có tổng mức đầu tư lớn hơn 100 tỷ Đồng đối với dự án đầu tư xây dựng cơ bản và lớn hơn 70 tỷ Đồng đối với dự án đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện (bao gồm cả cải tạo, sửa chữa, thay thế, nâng cấp).

- 20.4. Đối với các dự án không thuộc thẩm quyền phê duyệt/chấp thuận của ĐHĐCĐ và HĐQT như đề cập ở Điều 20.1, 20.2 và 20.3, Tổng giám đốc quyết định/chấp thuận đầu tư, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và báo cáo quyết toán dự án.

Đối với các dự án đầu tư do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT đã quyết định và/hoặc phê duyệt đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, HĐQT giao cho Tổng giám đốc phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán, hợp đồng và các công việc khác trong giai đoạn chuẩn bị, triển khai dự án đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đưa dự án vào sử dụng với điều kiện không vượt quá tổng mức đầu tư đã được phê duyệt hoặc phê duyệt bổ sung, và HĐQT sẽ phê duyệt báo cáo quyết toán của các dự án này do Tổng giám đốc trình. Định kỳ hằng quý và/hoặc kết thúc đầu tư, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện dự án cho HĐQT.

**Điều 21. Trong lĩnh vực mua sắm/mua bán kinh doanh hàng hóa và dịch vụ phục vụ hoạt động của Tổng công ty**

- 21.1. Đối với việc tổ chức mua sắm trang thiết bị, dụng cụ làm việc, nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa và dịch vụ thuê ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Tổng công ty từ nguồn vốn kinh doanh của Tổng công ty và nằm trong kế hoạch hằng năm được duyệt, Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.
- 21.2. Đối với việc mua bán kinh doanh hàng hóa và dịch vụ (mua bán hàng hóa, dịch vụ thực hiện dự án cho khách hàng, thực hiện phương án kinh doanh, cho thuê thiết bị và cung cấp dịch vụ từ nguồn lực của Tổng công ty, v.v.), Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.
- 21.3. Công tác mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng, dịch vụ phục vụ hoạt động của giàn khoan được thực hiện theo Quy chế mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng dịch vụ phục vụ hoạt động giàn khoan do HĐQT ban hành.



**Điều 22. Trong hoạt động thế chấp, bảo lãnh, bảo đảm và bồi thường**

- 22.1. HĐQT phê chuẩn việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty với giá trị từ 100 tỷ Đồng trở lên và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện tất cả các công việc cần thiết liên quan;
- 22.2. Tổng giám đốc quyết định các khoản thế chấp, bảo lãnh, bảo đảm và bồi thường của Tổng công ty có giá trị thấp hơn 100 tỷ Đồng trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và Tổng công ty.

**Điều 23. Thông qua hợp đồng và chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có thể gây ra xung đột về lợi ích**

- 23.1. HĐQT thông qua hoặc ủy quyền thông qua các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều 14 và Điểm c Khoản 4 Điều 30 Điều lệ phải do ĐHCĐ phê duyệt.
- 23.2. Đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền thông qua của HĐQT và một bên trong hợp đồng là Tổng giám đốc hoặc Tổng giám đốc đại diện cho bên thứ ba ký kết với Tổng công ty, HĐQT có thể ủy quyền cho một người khác đại diện cho Tổng công ty ký kết.
- 23.3. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có thể gây ra các xung đột về lợi ích quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 30 Điều lệ.
- 23.4. Người đại diện Tổng công ty ký kết hợp đồng phải thông báo đến các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch tại Điều 23.3 nêu trên để HĐQT để HĐQT xem xét và quyết định. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 23.5. Các hợp đồng liên quan đến các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty ký kết hợp đồng sau khi được HĐQT thông qua nội dung chính của hợp đồng.

**Điều 24. Trong hoạt động thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định**

- 24.1. HĐQT quyết định việc thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định của Tổng công ty do HĐQT quyết định đầu tư.
- 24.2. Tổng giám đốc tự quyết định và chịu trách nhiệm đối với việc thanh lý, chuyển nhượng các tài sản do Tổng giám đốc quyết định đầu tư, mua sắm.

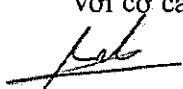
**Điều 25. Trong hoạt động tổ chức, nhân sự và quản trị Tổng công ty**

- 25.1. Tổng công ty

a) Tổ chức:

HĐQT quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty, thành lập/giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định thành lập và giải thể, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Ban/Văn phòng chức năng của Tổng công ty phù hợp với cơ cấu tổ chức Tổng công ty đã được HĐQT phê duyệt. Tổng giám đốc Tổng



công ty quyết định lập và chấm dứt hoạt động của các địa điểm kinh doanh, văn phòng điều hành của Tổng công ty theo nhu cầu điều hành sản xuất kinh doanh theo thẩm quyền.

b) Nhân sự:

HĐQT quyết định:

- Đề cử ứng cử viên thành viên HĐQT theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 11 Điều lệ.

- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển và cách chức các chức danh: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc (trừ trường hợp người được bổ nhiệm, miễn nhiệm hay cách chức là Tổng giám đốc).

Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định các vấn đề về nhân sự của các Ban/Văn phòng, chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng điều hành, địa điểm kinh doanh của Tổng công ty.

c) HĐQT quyết định tất cả các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc ban hành các quy định/quy trình hoặc văn bản liên quan để hướng dẫn việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc để điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

25.2. Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình HĐQT phê chuẩn.

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động đã được HĐQT phê chuẩn Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định cơ cấu tổ chức, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động và quyết định các vấn đề về nhân sự của các Đơn vị hạch toán phụ thuộc.

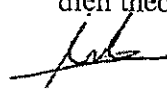
25.3. Công ty con là công ty TNHH MTV

HĐQT phê chuẩn việc thành lập và điều lệ công ty con TNHH MTV và phê chuẩn việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm, miễn nhiệm và cách chức thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên của công ty con TNHH MTV theo đề nghị của Tổng giám đốc. Căn cứ vào sự phê chuẩn của HĐQT, Tổng giám đốc sẽ ký, ban hành các quyết định, quy chế hoặc văn bản với tư cách là đại diện của chủ sở hữu công ty con TNHH MTV.

Tổng giám đốc quyết định các vấn đề về tổ chức và nhân sự khác ngoài những vấn đề nêu trên với tư cách là chủ sở hữu của công ty con TNHH MTV.

25.4. Công ty con bị chi phối, công ty liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, công ty liên kết

HĐQT phê chuẩn việc góp vốn tham gia, thành lập công ty con bị chi phối, công ty liên doanh, công ty liên kết, hợp đồng hợp tác kinh doanh theo phân cấp thẩm quyền quy định tại Điều 19 Quy chế này và phê chuẩn việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm, miễn nhiệm và cách chức người đại diện của Tổng công ty (gồm người đại diện theo ủy quyền và người đại diện tham gia quản lý, điều hành được đề cử giữ chức



vụ Chủ tịch và thành viên HĐQT/HĐTV, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Trưởng ban điều phối) tại công ty con bị chi phối, công ty liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Tổng công ty nắm giữ vốn chi phối (trên 50% vốn) theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Căn cứ vào sự phê chuẩn của HĐQT, Tổng giám đốc sẽ ký, ban hành các quyết định, quy chế hoặc văn bản liên quan đến người đại diện của Tổng công ty tại công ty con bị chi phối, công ty liên doanh, Ban điều phối hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Tổng công ty nắm giữ vốn chi phối (trên 50% vốn).

Tổng giám đốc quyết định các vấn đề về tổ chức, quản trị và nhân sự khác ngoài những vấn đề nêu trên khi thực hiện quyền của thành viên công ty hay cổ đông góp vốn, bên góp vốn tại công ty con bị chi phối, công ty liên doanh, Ban điều phối hợp đồng hợp tác kinh doanh, công ty liên kết.

Trong Điều khoản này, “công ty liên doanh” được hiểu là công ty trong đó Tổng công ty là bên vốn góp có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động.

- 25.5. Trong trường hợp sau khi cán bộ được Tổng công ty đề cử đã được ĐHĐCĐ/ HĐQT/ HĐTV của đơn vị bầu/ bổ nhiệm vào các vị trí được đề cử nêu trên thì Tổng giám đốc Tổng công ty sẽ ra quyết định chính thức giao nhiệm vụ và cử cán bộ để đảm nhận vị trí đó.
- 25.6. Trong trường hợp người đại diện là Tổng giám đốc Tổng công ty, quyết định đề cử/bổ nhiệm/miễn nhiệm/thay thế người đại diện sẽ do Chủ tịch HĐQT ký trên cơ sở nghị quyết của HĐQT.

#### **Điều 26. Trong hoạt động quản lý vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác và các vấn đề khác**

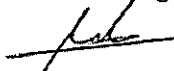
- 26.1. HĐQT sẽ phê chuẩn trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc các vấn đề liên quan đến quản lý vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác bao gồm:
- định giá tài sản dùng để góp vốn;
  - tăng, giảm vốn điều lệ, chia lợi nhuận của Công ty con; và
  - tăng, giảm vốn điều lệ, chia lợi nhuận của các công ty mà việc đầu tư vốn của Tổng công ty vào công ty đó thuộc thẩm quyền của HĐQT quy định tại Điều 19.1 nêu trên.

Trên cơ sở sự phê chuẩn của HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty/ người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền chủ sở hữu vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

#### **Điều 27. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo**

- 27.1. HĐQT báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về Báo cáo tài chính hàng năm, định lượng chiểu lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn của Tổng công ty, Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT và các báo cáo khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ.

- 27.2. Tổng giám đốc báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về:

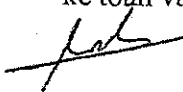


- a) Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng quý/năm trên cơ sở thực hiện các văn bản chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm; phương án chia cổ tức đã được HĐQT thông qua và các chỉ tiêu tài chính trong báo cáo tài chính hằng năm; kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo đã được HĐQT phê duyệt;
  - b) Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê mướn, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Tổng giám đốc Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ;
  - c) Các báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Tổng công ty.
- 27.3. Tổng giám đốc xây dựng và trình HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty, bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất và kế hoạch nhân sự chậm nhất 30 ngày trước ngày tổ chức họp ĐHCĐ hằng năm.
- 27.4. Tổng giám đốc báo cáo HĐQT tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hằng quý, năm của Tổng công ty chậm nhất là bốn mươi lăm (45) ngày đầu tiên tháng tiếp theo của quý, năm đó, bao gồm các nội dung chính như sau:
- a) Tình hình hoạt động của Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong quý / năm, đề xuất phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới và dự báo kết quả kinh doanh đạt được cả năm.
  - b) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch được giao và các giải pháp thực hiện kế hoạch.
  - c) Đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

#### CHƯƠNG IV QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ TRONG TỔNG CÔNG TY

##### **Điều 28. Quan hệ với Ban Kiểm soát (BKS)**

- 28.1. HĐQT tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- 28.2. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành và trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- 28.3. BKS thực hiện việc thẩm định, và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính hằng năm và sáu (6) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.



## **Điều 29. Quan hệ với bộ máy điều hành Tổng công ty**

- 29.1. HĐQT không can thiệp vào công tác điều hành của Tổng giám đốc. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hằng tháng của bộ máy điều hành Tổng công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác v.v. do Tổng giám đốc chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt. Hằng năm, HĐQT có kế hoạch làm việc với các Đơn vị thành viên của Tổng công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh hằng năm và thực hiện các nghị quyết của HĐQT và để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 29.2. HĐQT sử dụng các phòng ban chức năng và/hoặc các chuyên viên của Tổng công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan.
- 29.3. Văn phòng Tổng công ty, Bộ phận giúp việc của HĐQT có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi và đến của HĐQT theo quy định về quản lý tài liệu của Tổng công ty.
- 29.4. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Tổng công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.
- 29.5. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số HĐQT và bản lưu phải được quản lý riêng.
- 29.6. HĐQT sử dụng con dấu của Tổng công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Tổng công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Tổng công ty.
- 29.7. Quy trình xử lý văn bản tại HĐQT được thực hiện theo quy định tại Quy định về công tác văn thư và công tác lưu trữ của Tổng công ty và quy định do HĐQT ban hành.

## **Điều 30. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên**

- 30.1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của các tổ chức này tại Tổng công ty.
- 30.2. HĐQT ủy quyền cho Tổng giám đốc ký thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Tổng công ty và tạo cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Tổng công ty tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng được trích lập từ lợi nhuận hằng năm của Tổng công ty.

## **Điều 31. Quan hệ với cổ đông**

- 31.1. HĐQT bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Tổng công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ, công bố thông tin theo quy định pháp luật.
- 31.2. HĐQT có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Tổng công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với các cổ đông theo quy định của Điều lệ.
- 31.3. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.





**CHƯƠNG V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 32. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế**

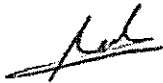
- 32.1. HĐQT, thành viên HĐQT và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong Tổng công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.
- 32.2. Tổ chức hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định.

**Điều 33. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ trên cơ sở ý kiến đề nghị của HĐQT hoặc khi có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan. BKS và/hoặc Tổng giám đốc có quyền đề xuất HĐQT xem xét trình ĐHĐCĐ sửa đổi bổ sung Quy chế.

**Điều 34. Điều khoản thi hành**

- 34.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.
- 34.2. HĐQT, Tổng giám đốc, các đơn vị thành viên, bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



## PHỤ LỤC 04

# QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT PV DRILLING

(Đính kèm Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/8/2021 của Đại hội đồng cổ  
đông Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí)

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021  
của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí)*

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling);
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí.



## MỤC LỤC

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ .....	3
Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Ban kiểm soát .....	3
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát .....	3
CHƯƠNG II KIỂM SOÁT VIÊN .....	4
Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên .....	4
Điều 7. Trưởng ban kiểm soát .....	4
Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên .....	5
Điều 9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....	5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....	5
Điều 11. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....	6
CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT .....	6
Điều 12. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên .....	6
Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát .....	6
Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....	7
Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHCĐ .....	8
CHƯƠNG IV CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT .....	8
Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	8
Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát .....	8
CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH .....	9
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm .....	9
Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên .....	9
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan .....	10
CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT .....	10
Điều 21. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên .....	10
Điều 22. Quan hệ với Tổng giám đốc .....	11
Điều 23. Mối quan hệ với HĐQT .....	11
Điều 24. Mối quan hệ với Cổ đông .....	12
CHƯƠNG VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT .....	12
Điều 25. Khen thưởng và kỷ luật .....	12
CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	12
Điều 26. Quản lý, lưu trữ hồ sơ .....	12
Điều 27. Sửa đổi, bổ sung và hiệu lực thi hành .....	12



# CHƯƠNG I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của các Kiểm soát viên và Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên và các đối tượng khác có liên quan.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 2.1. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
- 2.2. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
- 2.3. “Tổng công ty” là Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí.
- 2.4. “Điều lệ” là Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí.
- 2.5. “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, được viết tắt là “ĐHĐCD”.
- 2.6. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, được viết tắt là “HĐQT”.
- 2.7. Các từ ngữ được viết hoa khác được sử dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa tương ứng được quy định trong Điều lệ.

### **Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Ban kiểm soát**

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên phải tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty, Quy chế này, đạo đức nghề nghiệp và chịu trách nhiệm theo quy định Pháp luật.

### **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện công việc của mình và/hoặc liên đới chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD, trước Pháp luật về các công việc, quyết định của mình.



## CHƯƠNG II KIỂM SOÁT VIÊN

### **Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên**

- 5.1. Tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
- 5.2. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 5.3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
- 5.4. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 5.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
- 5.6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên**

- 6.1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều 32 Điều lệ.
- 6.2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là Cổ đông của Tổng công ty; không được là thành viên hay nhân viên công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (3) năm trước đó và không thuộc trường hợp làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty.
- 6.3. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ.

### **Điều 7. Trưởng ban kiểm soát**

- 7.1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- 7.2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Sau khi các Kiểm soát viên được bầu trong nhiệm kỳ mới, Kiểm soát viên có phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất đứng ra tổ chức và chủ trì cuộc họp đầu tiên của

4  


Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới để bầu ra Trưởng Ban kiểm soát. Tại cuộc họp đầu tiên để bầu ra Trưởng Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên biểu quyết theo nguyên tắc đa số để chọn ra một người làm Trưởng Ban kiểm soát.

7.3. Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ.

#### **Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên**

8.1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên thực hiện theo khoản 2 Điều 32 Điều lệ.

8.2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác có thể đề cử thêm ứng cử viên theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

8.3. Trường hợp không được đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 117 và khoản 3 Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

9.1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

9.2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Kiểm soát viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (2) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Kiểm soát viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

#### **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

10.1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này, Điều 32 của Điều lệ, Điều 169 của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;
- b. Có đơn từ chức bằng văn bản được gửi đến trụ sở chính cho Tổng công ty và được chấp thuận;
- c. Bị ảnh hưởng của chứng rối loạn tâm thần và những Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực điều khiển hành vi;
- d. Các trường hợp khác do Điều lệ quy định.

10.2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

*Handwritten signature*

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

### **Điều 11. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được công bố theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và những quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

## **CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 12. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên**

- 12.1. Ban kiểm soát có ba (3) Kiểm soát viên, trong đó có một (1) Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là ba (3) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 12.2. Ban kiểm soát phải có ít nhất hai (2) Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.
- 12.3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

- 13.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
- 13.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng ; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác tài chính kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính và trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.
- 13.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, sáu (6) tháng và hàng năm của Tổng công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- 13.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
- 13.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo



ng nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 11 Điều lệ.

- 13.6. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 11 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- 13.7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- 13.8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp hoặc vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT nhưng không muộn hơn bốn mươi tám (48) giờ từ khi phát hiện, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 13.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp cần thiết khác của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật.
- 13.10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 13.11. Báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- 13.12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách cẩn trọng, không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và không được gây gián đoạn hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng công ty.
- 13.13. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- 13.14. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- 13.15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và nghị quyết ĐHĐCĐ.

#### **Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

14.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;

7  
*Tran*

- b. Bản sao, chụp nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

14.2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

14.3. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan và cần thiết về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ**

15.1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15.2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định đối với các trường hợp tại Khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

### **CHƯƠNG IV CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

16.1. Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi quý một lần để rà soát, đánh giá kết quả kiểm soát trong quý; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát.

16.2. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số Kiểm soát viên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong thời gian hợp lý theo quyết định của Trưởng Ban kiểm soát.

16.3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

## CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

### **Điều 18. Trình báo cáo hàng năm**

Các báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên:

- 18.1. Báo cáo thẩm định về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 18.2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
- 18.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
- 18.4. Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban điều hành, Ban kiểm soát thực hiện đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 18.5. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.
- 18.6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông.
- 18.7. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

### **Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ, cụ thể:

- 19.1. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý với điều kiện việc thuê dịch vụ tư vấn độc lập phải được thực hiện theo quy định của Tổng công ty và Pháp luật. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

9  
*Handwritten signature*

19.2. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

20.1. Kiểm soát viên phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng công ty, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

20.2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

20.3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

20.4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Pháp luật.

20.5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên**

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định Pháp luật và Điều lệ. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các Kiểm soát viên.

## **Điều 22. Quan hệ với Tổng giám đốc**

- 22.1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Tổng giám đốc, là đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc.
- 22.2. Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Thủ tục phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Tổng giám đốc được quy định tại Điều 25 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.
- 22.3. Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị, phòng ban phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát theo quy định.
- 22.4. Ban kiểm soát phải thông báo ngay cho Tổng giám đốc khi phát hiện các yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản. Khi có những thay đổi trọng yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh có tác động lớn đến quyền lợi Cổ đông, Tổng giám đốc sẽ thông báo cho Ban kiểm soát nếu các thay đổi đó thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc.

## **Điều 23. Mối quan hệ với HĐQT**

- 23.1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với HĐQT, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.
- 23.2. Khi tổ chức họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Biên bản họp HĐQT phải được cung cấp đồng thời cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên.
- 23.3. HĐQT sẽ xem xét các đề xuất của Ban kiểm soát và đưa ra các quyết định quản lý thích hợp. Ban kiểm soát sẽ giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định của HĐQT đối với các đề xuất của Ban kiểm soát.
- 23.4. HĐQT được quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát hoặc tham gia vào các đợt kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.
- 23.5. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
- 23.6. Các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT chuẩn bị trình ĐHĐCĐ tại các cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban kiểm soát chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày tổ chức cuộc họp để thẩm định.
- 23.7. Ban kiểm soát thông báo cho HĐQT và tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

## **Điều 24. Mối quan hệ với Cổ đông**

- 24.1. Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên phải luôn coi trọng lợi ích hợp pháp của Cổ đông, chịu trách nhiệm trước Cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.
- 24.2. Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại mỗi cuộc họp thường niên, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ, hoặc theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ.

## **CHƯƠNG VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

### **Điều 25. Khen thưởng và kỷ luật**

- 25.1. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được xét khen thưởng theo quy định của Tổng công ty.
- 25.2. Kiểm soát viên có hành vi vi phạm trách nhiệm, nghĩa vụ của Kiểm soát viên sẽ phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình. Tùy vào mức độ vi phạm, kiểm soát viên có thể bị xử lý theo quy định.

## **CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 26. Quản lý, lưu trữ hồ sơ**

Tất cả các giấy tờ, hồ sơ làm việc của Ban Kiểm soát và các tài liệu liên quan đến quá trình thực hiện công việc của Ban kiểm soát được quản lý và lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty theo quy định về văn thư lưu trữ của Tổng công ty.

### **Điều 27. Sửa đổi, bổ sung và hiệu lực thi hành**

- 27.1. Những nội dung khác về tổ chức, hoạt động, chế độ làm việc của Ban kiểm soát, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty và các quy định có liên quan khác của Tổng công ty.
- 27.2. Trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.
- 27.3. Trong trường hợp có sự thay đổi các quy định của Điều lệ liên quan đến Ban kiểm soát thì Quy chế này cũng phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ.
- 27.4. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản về Ban kiểm soát để Ban Kiểm soát xem xét trình ĐHĐCĐ quyết

định. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo và trình ĐHĐCĐ quyết định.

27.5. Quy chế này gồm 8 Chương, 27 Điều và có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua và thay thế các quy chế hoạt động trước đây của Ban kiểm soát đã được ban hành.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Số: 01/2021/BBH-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2021

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG PV DRILLING**

Tên doanh nghiệp: **Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí.**  
Tên viết tắt: **PV Drilling,** Mã chứng khoán: **PVD.**  
Địa chỉ trụ sở chính: **Lầu 4, Sailing Tower, 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Q.1,  
TP.HCM.**  
Mã số doanh nghiệp : **0302495126** đăng ký tại Sở KH&ĐT TP. HCM.

**I. Thời gian, hình thức và địa điểm cuộc họp**

- Thời gian : Từ 8 giờ 30 phút đến 12 giờ 20 phút, ngày 04 tháng 8 năm 2021.
- Hình thức tổ chức: Hội nghị trực tuyến.
- Địa điểm Chủ tọa tổ chức Hội nghị trực tuyến: 18 Láng Hạ, Ba Đình, Tp. Hà Nội.

**II. Thành phần tham dự và tính hợp lệ của cuộc họp**

**1. Thành phần tham dự**

Tham dự Đại hội có Đại diện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát (BKS) PV Drilling và đại đa số cổ đông của PV Drilling tham dự Đại hội theo hình thức trực tuyến.

**2. Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội**

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đã báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling qua hình thức Hội nghị trực tuyến và Bộ phiếu điện tử ("Đại hội trực tuyến"), cụ thể như sau:

Tính đến 8 giờ 30 phút ngày 04 tháng 8 năm 2021 có 74 cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến (trực tiếp và thông qua người đại diện theo ủy quyền) chiếm số lượng cổ phần có quyền biểu quyết là 234.681.453 cổ phần, tương ứng 55.73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của PV Drilling.

**III. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu**

Ban tổ chức đã giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký gồm:

**1. Đoàn chủ tịch gồm các thành viên:**

- Ông Phạm Tiến Dũng, Chủ tịch HĐQT : Chủ tịch đoàn.
- Ông Đỗ Đức Chiến, Phó Chủ tịch HĐQT : Thành viên.
- Ông Nguyễn Xuân Cường, TV HĐQT, Tổng giám đốc : Thành viên.
- Ông Đỗ Danh Rạng, Phó Tổng giám đốc : Thành viên.

**2. Ban thư ký Đại hội gồm các thành viên:**



- Bà Trần Thị Thu Thủy : Trưởng Ban.
- Ông Nguyễn Huy Trọng : Thành viên.

### **3. Ban kiểm phiếu:**

Ban kiểm phiếu được Chủ tọa cuộc họp đề cử và được Đại hội trực tuyến biểu quyết thông qua bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% gồm có các thành phần sau:

- Bà Lê Hoàng Anh : Trưởng Ban.
- Ông Nguyễn Phương Tú : Thành viên.
- Ông Bé Phương Hùng : Thành viên.

### **IV. Chương trình, Quy chế làm việc, Thể lệ biểu quyết của Đại hội trực tuyến**

Đại hội trực tuyến đã biểu quyết thông qua Chương trình họp, Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết của Đại hội trực tuyến bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử với kết quả biểu quyết từng nội dung như sau:

- Chương trình họp, tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
- Quy chế làm việc, tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
- Thể lệ biểu quyết, tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.

Theo đó, chương trình làm việc của Đại hội trực tuyến gồm có các nội dung chính như sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của PV Drilling.
3. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019-2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.
5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.
6. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PV Drilling.
7. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát PV Drilling.
8. Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025.
9. Bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2023.
10. Phương án thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.
11. Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021.

### **V. Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội:**

Sau khi nghe phần trình bày tờ trình và các báo cáo của Đoàn chủ tịch, các cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến đã tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến vào các báo cáo và tờ trình của Đoàn chủ tịch. Đoàn chủ tịch đã trân trọng tiếp thu và giải trình các ý kiến của



cổ đông trên cơ sở thực hiện công tác quản lý và điều hành hoạt động của PV Drilling hướng tới đảm bảo các lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

Đại hội trực tuyến đã tiến hành biểu quyết bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử thông qua các vấn đề đã đưa ra thảo luận tại Đại hội trực tuyến, kết quả biểu quyết từng vấn đề, cụ thể như sau:

Tính đến 11 giờ 35 phút ngày 04 tháng 8 năm 2021, Đoàn chủ tịch thông báo ghi nhận kết quả từ Ban kiểm tra tư cách cổ đông có: 134 cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến (trực tiếp và thông qua người đại diện theo ủy quyền), đại diện sở hữu cho 224.153.174 cổ phần, chiếm tỷ lệ 57,98 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.**

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.*

**2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của PV Drilling, theo đó:**

**2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:**

- Doanh thu: 5.229 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 204 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 186 tỷ đồng.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.*

**2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021:**

- Doanh thu: 4.400 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ: 25 tỷ đồng.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 97,96%.*

**3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.**

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.*

**4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019-2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.**

**4.1** Thông qua tiếp tục thực hiện phương án (i) chia cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu và (ii) chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu hoặc cho phép PV Drilling trả chung cổ tức năm 2019 và năm 2020 với tỷ lệ 20% bằng cổ phiếu và ủy quyền cho HĐQT PV Drilling triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ PV Drilling và quyết định các vấn đề sau:

- a. Lựa chọn thời điểm thích hợp để phát hành cổ phần trả cổ tức năm 2019 và 2020 trong năm 2021.
- b. Tăng vốn điều lệ PV Drilling với giá trị tăng thêm bằng tổng mệnh giá của số cổ phần phát hành thành công ghi nhận trong Báo cáo phát hành cổ phiếu đã trình cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi đợt phát hành hoàn tất.



- c. Điều chỉnh tăng vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh sau khi phát hành thêm cổ phần. Thời gian thực hiện điều chỉnh không trễ hơn ngày 31/12/2021.
- d. Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của PV Drilling theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm.
- e. Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh số lượng cổ phần phát hành thêm.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là : 99,99%.*

- 4.2 Thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ với phương án chi tiết sẽ được báo cáo tại ĐHCĐ thường niên năm 2022.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là : 99,99%.*

- 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.*

- 6. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát PV Drilling.

- 6.1 Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ PV Drilling.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.*

- 6.2 Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của PV Drilling.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.*

- 6.3 Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PV Drilling.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.*

- 6.4 Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát PV Drilling.

*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,99%.*

- 7. Thông qua bầu Hội đồng quản trị của PV Drilling nhiệm kỳ 2021-2025 gồm 07 thành viên như sau:

- 1. Ông Mai Thế Toàn

*Tổng số phiếu bầu là: 222.155.558 phiếu, tương đương với: 93,49%*

- 2. Ông Đỗ Đức Chiến

*Tổng số phiếu bầu là: 220.186.849 phiếu, tương đương với: 92,66%*

- 3. Ông Nguyễn Xuân Cường

*Tổng số phiếu bầu là: 224.705.932 phiếu, tương đương với: 94,56%*

- 4. Ông Vũ Thụy Tường

*Tổng số phiếu bầu là: 219.943.014 phiếu, tương đương với: 92,56%*



5. Ông Nguyễn Văn Toàn  
*Tổng số phiếu bầu là: 220.308.735 phiếu, tương đương với: 92,71%*
6. Ông Văn Đức Tòng  
*Tổng số phiếu bầu là: 220.235.765 phiếu, tương đương với: 92,68%*
7. Ông Hoàng Xuân Quốc  
*Tổng số phiếu bầu là: 220.012.792 phiếu, tương đương với: 92,59%*
8. Thông qua bầu Ban kiểm soát của PV Drilling nhiệm kỳ 2021-2023 gồm 03 thành viên như sau.
  1. Ông Lương Thanh Tịnh  
*Tổng số phiếu bầu là: 221.460.075 phiếu, tương đương với: 93,18%*
  2. Ông Nguyễn Văn Tài  
*Tổng số phiếu bầu là: 220.284.129 phiếu, tương đương với: 92,69%*
  3. Ông Nguyễn Bình Hợp  
*Tổng số phiếu bầu là: 221.728.120 phiếu, tương đương với: 93,30%*
9. Thông qua Phương án thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021:
  - 9.1 Thù lao, phụ cấp năm 2021 của Hội đồng quản trị:
    - a. Đối với các thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành, chuyên trách tại PV Drilling hoặc được giao các chức vụ quản lý khác của PV Drilling: thù lao (bao gồm tiền lương, thưởng, phụ cấp v.v.) trả theo chế độ hiện hành của PV Drilling.
    - b. Đối với các thành viên độc lập HĐQT và thành viên HĐQT không thuộc điểm a.: mức phụ cấp trách nhiệm/thù lao là 10.000.000 Đồng/người/tháng.
    - c. Mức phụ cấp bổ sung cho các thành viên HĐQT khi thực hiện các công việc nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên HĐQT: không quá 1.500.000 Đồng/ngày.
  - 9.2 Thù lao năm 2021 của Ban kiểm soát:
    - a. Đối với Kiểm soát viên chuyên trách tại PV Drilling: thù lao (bao gồm tiền lương) trả theo chế độ hiện hành của PV Drilling.
    - b. Đối với Kiểm soát viên không thuộc trường hợp tại điểm a.: 7.000.000 Đồng/người/tháng.*Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 99,98%.*
10. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán có thể thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét báo cáo tài chính bán niên cho PV Drilling trong năm 2021 như bên dưới và ủy quyền cho HĐQT PV Drilling thực hiện đánh giá, lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập này để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét báo cáo tài chính bán niên cho PV Drilling năm 2021.



1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
2. Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam.
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

**Tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 96,46%.**

Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling được lập lúc 12 giờ 05 phút ngày 04/8/2021 và đã được Đại hội trực tuyến biểu quyết bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử thông qua với tỷ lệ tán thành là 100%.

Biên bản được lập thành hai (2) bản với chữ ký xác nhận của Đoàn chủ tịch và Ban thư ký Đại hội trực tuyến và được lưu trữ trong tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling qua hình thức Hội nghị trực tuyến và Bỏ phiếu điện tử đã kết thúc vào hồi 12 giờ 20 phút ngày 04/8/2021.

**TM. BAN THƯ KÝ**  
Trưởng ban

**Trần Thị Thu Thủy**

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH** ✓  
Chủ tịch đoàn



**Phạm Tiến Dũng**





**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ**  
**DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**  
**BAN KIỂM PHIẾU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tp. Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2021*

## **BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021**

**Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**  
**(Hội nghị trực tuyến và Bỏ phiếu điện tử)**

Căn cứ Quy chế Hướng dẫn về Hội nghị trực tuyến và Bỏ phiếu điện tử để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của PV Drilling được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/7/2021;

Căn cứ Thể lệ biểu quyết đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) thông qua;

Căn cứ danh sách Ban kiểm phiếu do Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí đề cử và đã được Đại hội đồng cổ đông ("Đại hội") biểu quyết thông qua,

Trên cơ sở các nội dung thông qua bằng cách Bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến tại Đại hội; sau khi tiến hành kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử đối với từng nội dung, kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

### **I. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT THỦ TỤC CUỘC HỌP**

#### **1. Thông qua Chương trình họp.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 234.788.408 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 234.788.408 cổ phần.

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 234.788.408 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Chương trình họp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling đã được Đại hội thông qua.

#### **2. Thông qua Quy chế làm việc.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 234.788.408 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 234.788.408 cổ phần.

Trong đó:





Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 234.788.408 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.

Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling đã được Đại hội thông qua.

### **3. Thông qua Ban kiểm phiếu.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 234.788.408 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 234.788.408 cổ phần.

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 234.788.408 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling đã được Đại hội thông qua gồm các thành viên sau:

1. Bà Lê Hoàng Anh, Trưởng ban.
2. Ông Nguyễn Phương Tú, Thành viên.
3. Ông Bế Phương Hùng, Thành viên.

### **4. Thông qua Thẻ lệ biểu quyết.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 234.788.408 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 234.788.408 cổ phần.

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 234.788.408 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling đã được Đại hội thông qua.

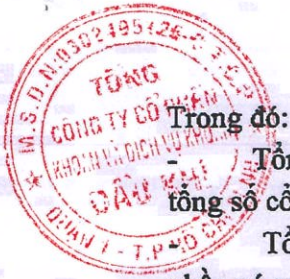
## **II. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH**

### **1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 239.015.961 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : 239.015.961 cổ phần.





**Trong đó:**

Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **239.015.461 cổ phần**, đạt tỷ lệ **99,999791%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.

Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là **0 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là **500 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0,000209%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 đã được Đại hội thông qua.

## **2. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: **242.783.461 cổ phần.**

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : **242.783.461 cổ phần.**

**Trong đó:**

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **242.782.961 cổ phần**, đạt tỷ lệ **99,999794%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là **0 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là **500 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0,000206%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội thông qua.

## **3. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của PV Drilling.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: **242.783.461 cổ phần.**

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : **242.783.461 cổ phần.**

**Trong đó:**

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **237.820.868 cổ phần**, đạt tỷ lệ **97,955959%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là **3.767.500 cổ phần**, đạt tỷ lệ **1,551794%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là **1.195.093 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0,492246%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của PV Drilling đã được Đại hội thông qua.

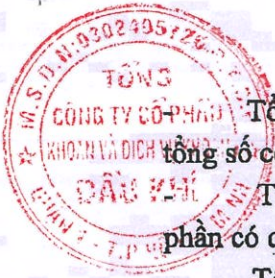
## **4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: **239.015.961 cổ phần.**

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : **239.015.961 cổ phần.**

**Trong đó:**





Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 239.011.161 cổ phần, đạt tỷ lệ 99,997992% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.

Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 4.800 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,002008% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán đã được Đại hội thông qua.

**5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019-2020.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 242.783.461 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : 242.783.461 cổ phần.

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 242.773.661 cổ phần, đạt tỷ lệ 99,995963% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 5.000 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,002059% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 4.800 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,001977% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019-2020 đã được Đại hội thông qua.

**6. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 239.015.961 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : 239.015.961 cổ phần.

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 239.008.661 cổ phần, đạt tỷ lệ 99,996946% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 2.500 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,001046% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 4.800 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,002008% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 đã được Đại hội thông qua.

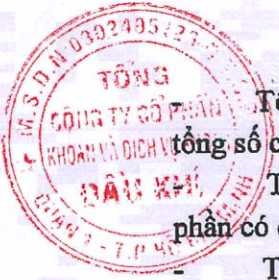
**7. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 239.015.961 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : 239.015.961 cổ phần.

Trong đó:





- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 239.011.161 cổ phần, đạt tỷ lệ 99,997992% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 4.800 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,002008% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 đã được Đại hội thông qua.

#### 8. Thông qua Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ PV Drilling.

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 239.015.961 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : 239.015.961 cổ phần.

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 239.008.661 cổ phần, đạt tỷ lệ 99,996946% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 7.300 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,003054% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ PV Drilling đã được Đại hội thông qua.

#### 9. Thông qua Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của PV Drilling.

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 239.015.961 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : 239.015.961 cổ phần.

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 239.011.161 cổ phần, đạt tỷ lệ 99,997992% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 4.800 cổ phần, đạt tỷ lệ 0,002008% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

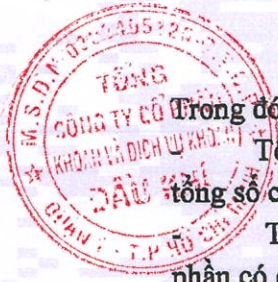
**Kết luận:** Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của PV Drilling đã được Đại hội thông qua.

#### 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PV Drilling.

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 239.015.961 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : 239.015.961 cổ phần.





**Trong đó:**

Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **239.011.161 cổ phần**, đạt tỷ lệ **99,997992%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này **> 51%**.

Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là **0 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là **4.800 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0,002008%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị PV Drilling đã được Đại hội thông qua.

**11. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát PV Drilling.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: **239.015.961 cổ phần.**

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : **239.015.961 cổ phần.**

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **239.011.161 cổ phần**, đạt tỷ lệ **99,997992%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này **> 51%**.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là **0 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là **4.800 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0,002008%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát PV Drilling đã được Đại hội thông qua.

**12. Thông qua Phương án thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: **239.015.961 cổ phần.**

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : **239.015.961 cổ phần.**

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **238.981.161 cổ phần**, đạt tỷ lệ **99,98544%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này **> 51%**.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là **0 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là **34.800 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0,01456%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Phương án thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 đã được Đại hội thông qua.

**13. Thông qua Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021.**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: **239.018.961 cổ phần.**

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ : **239.018.961 cổ phần.**





**Trong đó:**

Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là **230.560.526 cổ phần**, đạt tỷ lệ **96,461187%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.

Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là **367.000 cổ phần**, đạt tỷ lệ **0,153544%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là **8.091.435 cổ phần**, đạt tỷ lệ **3,385269%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021 đã được Đại hội thông qua.

**14. Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025.**

Tổng số phiếu bầu tham dự và biểu quyết tại Đại hội: **1.663.381.762 phiếu.**

Tổng số phiếu bầu biểu quyết hợp lệ: **1.547.548.645 phiếu.**

Trong đó:

- Tổng số phiếu bầu cho Ông Mai Thế Toàn là **222.155.558 phiếu**, tương đương với **93,489597%** Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.

- Tổng số phiếu bầu cho Ông Đỗ Đức Chiến là **220.186.849 phiếu**, tương đương với **92,661106%** Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.

- Tổng số phiếu bầu cho Ông Nguyễn Xuân Cường là **224.705.932 phiếu**, tương đương với **94,562869%** Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.

- Tổng số phiếu bầu cho Ông Vũ Thụy Tường là **219.943.014 phiếu**, tương đương với **92,558493%** Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.

- Tổng số phiếu bầu cho Ông Nguyễn Văn Toàn là **220.308.735 phiếu**, tương đương với **92,7124%** Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.

- Tổng số phiếu bầu cho Ông Văn Đức Tùng là **220.235.765 phiếu**, tương đương với **92,681692%** Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.

- Tổng số phiếu bầu cho Ông Hoàng Xuân Quốc là **220.012.792 phiếu**, tương đương với **92,587858%** Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.

**Kết luận:** Đại hội đã thông qua việc Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025 với 07 thành viên như sau:

1. Ông Nguyễn Xuân Cường
2. Ông Mai Thế Toàn
3. Ông Nguyễn Văn Toàn
4. Ông Văn Đức Tùng
5. Ông Đỗ Đức Chiến
6. Ông Hoàng Xuân Quốc
7. Ông Vũ Thụy Tường





**15. Bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2023.**

Tổng số phiếu bầu tham dự và biểu quyết tại Đại hội: 712.966.998 phiếu.

Tổng số phiếu bầu biểu quyết hợp lệ: 663.472.324 phiếu.

Trong đó:

- Tổng số phiếu bầu cho Ông Lương Thanh Tịnh là 221.460.075 phiếu, tương đương với 93,18527% Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.
- Tổng số phiếu bầu cho Ông Nguyễn Văn Tài là 220.284.129 phiếu, tương đương với 92,69046% Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.
- Tổng số phiếu bầu cho Ông Nguyễn Bình Hợp là 221.728.120 phiếu, tương đương với 93,298058% Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết và biểu quyết.

**Kết luận:** Đại hội đã thông qua việc Bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2023 với 03 thành viên như sau:

1. Ông Nguyễn Bình Hợp
2. Ông Lương Thanh Tịnh
3. Ông Nguyễn Văn Tài

**III. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT BIÊN BẢN CUỘC HỌP**

Tổng số cổ phần tham dự Đại hội và biểu quyết: 239.433.710 cổ phần.

Tổng số cổ phần biểu quyết hợp lệ: 239.433.710 cổ phần.

Trong đó:

- Tổng số cổ phần biểu quyết Đồng ý là 239.433.710 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết, tỷ lệ này > 51%.
- Tổng số cổ phần biểu quyết Không đồng ý là 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và biểu quyết.

**Kết luận:** Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Drilling đã được Đại hội thông qua.

Biên bản kiểm phiếu gồm 09 trang, được lập xong vào hồi 12 giờ 15 phút, ngày 04 tháng 8 năm 2021 và đã được thông báo công khai trước Đại hội./.

**TRƯỞNG BAN  
KIỂM PHIẾU**

**Lê Hoàng Anh**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT**

**Nguyễn Xuân Cường**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Tiên Dũng**